

## Lời nói đầu.

Trong thời kỳ hiện nay, công tác kế toán luôn được chú trọng ở tất cả các doanh nghiệp vì tầm quan trọng của nó. Chức năng của kế toán là ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kinh doanh của một doanh nghiệp. Ngoài ra, kế toán còn cung cấp thông tin cho nhiều đối tượng khác ngoài doanh nghiệp. Đối với các nhà quản lý, các thông tin này giúp cho họ có những cơ sở để đưa ra những quyết định phù hợp để định hướng phát triển Công ty còn đối với các nhà đầu tư, các thông tin này là cơ sở để đưa ra các quyết định đầu tư.

Hạch toán TSCĐ có ý nghĩa quan trọng (đặc biệt đối với các đơn vị xây lắp) và là một bộ phận không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty Công Trình Đường Thủy. Trong điều kiện ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường như hiện nay, kế toán là công cụ hữu hiệu để Công ty có thể phân tích tình hình tài chính của mình, từ đó có định hướng phát triển, đầu tư và có phương pháp quản lý tốt tạo nên sức mạnh nội lực của Công ty.

Nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và hạch toán TSCĐ nói riêng, cùng với sự hướng dẫn của cô Lê Kim Ngọc, cô chú phòng kế toán Công ty Công Trình Đường Thủy. Em đã lựa chọn đề tài "*Hoàn thiện hạch toán TSCĐ tại Công ty Công Trình Đường Thủy*" cho báo cáo chuyên đề của mình. Báo cáo này gồm 3 phần:

**Phần 1 : Khái quát chung về Công ty Công Trình Đường Thủy**

**Phần 2: Thực trạng hạch toán TSCĐ tại Công ty Công Trình Đường Thủy.**

**Phần 3: Một số nhận xét đánh giá và giải pháp hoàn thiện hạch toán TSCĐ tại Công ty Công Trình Đường Thủy**

Mặc dù đã cố gắng trong quá trình viết báo cáo này, tuy nhiên không thể trách được những thiếu sót. Bởi vậy, em rất mong nhận được ý kiến và hướng dẫn của các thầy cô, của các cô chú trong phòng kế toán tại Công ty Công Trình Đường Thủy để bài viết được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

*Ngày 07 tháng 05 năm 2005*

Sinh viên

Đỗ Văn Toàn

<http://sinhviennghanhng.com>

## **Phần 1 : Khái quát chung về Công ty Công Trình Đường Thủy.**

### **1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Công Trình Đường Thủy.**

#### ***1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Công Trình Đường Thủy.***

Công ty Công Trình Đường Thủy tiền thân là Công ty Công Trình Đường Sông I được thành lập theo quyết định số 288 QĐTC ngày 01-07-1972 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Đường Thủy (Bộ Giao Thông Vận Tải). Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã qua 3 lần thay đổi tên.

Năm 1983, Công ty Công Trình Đường Sông I đổi tên thành Xí nghiệp cầu cảng 204 trực thuộc liên hiệp các Xí nghiệp Quản lý Giao Thông Đường Thủy II.

Năm 1986, Xí nghiệp cầu cảng 204 lại đổi tên thành Xí nghiệp Công Trình Đường Thủy trực thuộc liên hiệp các Xí nghiệp Quản lý Giao thông Đường Thủy I.

Lần thứ 3, năm 1989 Xí nghiệp Công Trình Đường Thủy được đổi tên thành Công ty Công Trình Đường Thủy trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Đường Thủy. Tên gọi Công ty Công Trình Đường Thủy được giữ cho đến bây giờ.

***Tên giao dịch việt nam: Công Ty Công Trình Đường Thủy***

***Tên giao dịch quốc tế : WACO (Waterway Construcsion Conpany)***

***Trụ sở chính : 159 Thái Hà - Quận Đống Đa-Hà Nội***

***Chi nhánh : 14B8 - Ngô Tất Tố - Quận Bình Thạnh - Thành Phố Hồ Chí Minh***

***ĐT : 04.8561482***

***Fax: 84. 8562198***

***E- mail : Waco@yahoo.com***

Từ khi thành lập cho tới nay, đặc biệt sau khi Nhà nước ta chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường Công ty Công Trình Đường Thủy luôn phát triển một cách vững chắc, luôn hoàn thành các kế hoạch của cấp trên giao. Vì vậy đã tạo được nhiều uy tín trên thị trường, với khách hàng, các nhà cung cấp.

Có thể thấy được quy mô của Công ty qua một số tài liệu tổng quan sau: Khi mới thành lập vốn kinh doanh của Công ty là 2.174 triệu đồng.

Trong đó: + Vốn lưu động là 897 triệu đồng;

+ Vốn cố định là 1.277 triệu đồng.

Bao gồm các nguồn vốn : + Vốn ngân sách nhà nước cấp 480 triệu đồng;

+ Vốn doanh nghiệp tự bổ sung 994 triệu đồng;

+ Vốn vay 700 triệu đồng.

Bây giờ tổng số vốn kinh doanh của Công ty đã là: 17.135,5 triệu đồng.

Công ty gồm 10 đơn vị, 1124 cán bộ công nhân viên hoạt động trên địa bàn cả nước ( 8 đơn vị Miền Bắc, 2 đơn vị Miền Nam). Công ty có 213 kỹ sư, 129 cán bộ trung cấp, 762 công nhân các ngành, thiết bị: 500 chủng loại gồm thiết bị thi công cơ giới, phương tiện vận tải thủy bộ.

### ***1.2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Công ty Công Trình Đường Thủy***

Công ty Công trình Đường Thủy là một Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quy định của Bộ Giao Thông Vận Tải. Vì vậy, Công ty có đầy đủ mọi tư cách pháp nhân như có con dấu riêng, có tài khoản tại Ngân hàng, có vốn pháp định và vốn điều lệ. Công ty có quyền quyết định các vấn đề của Công ty trong khuôn khổ pháp luật và quy định của Tổng Công ty như được quyền ký kết các hợp đồng kinh tế với các tổ

chức và các cá nhân trong hoặc ngoài ngành, quyền khai thác các nguồn vật tư, kỹ thuật, được quyền mua, sử dụng thanh lý các tài sản cố định...

Công ty là doanh nghiệp Nhà nước có quyền tự chủ kinh doanh, tự chủ tài chính theo quy định tại điều lệ của Tổng Công ty, có quyền ký kết các hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Công ty có nghĩa vụ sử dụng hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh và các nguồn lực khác mà Công ty đã ký nhận với Tổng Công ty và chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ đối với Tổng Công ty.

Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề, chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về những sản phẩm của Công ty.

Công ty thực hiện đúng nghĩa vụ đối với người lao động.

Công ty thực hiện nộp thuế và các khoản nộp ngân sách cho Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

Công ty thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ về kế toán, hạch toán, kiểm toán.

## **2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty Công Trình Đường Thủy.**

### ***2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty công trình đường thủy.***

Công ty Công Trình Đường Thủy là một doanh nghiệp nhà nước chuyên ngành xây dựng với ngành nghề kinh doanh đa dạng bao gồm:

- Thi công các công trình : Cầu tàu bến cảng sông và cảng biển, các công trình bê tông lực, kè bờ công trình cầu đường sắt, đường bộ, các nhà máy cơ khí và đại tu tàu sông lớn; lắp dựng các loại kho cảng lớn; thi công đóng móng cọc các công trình thủy sông; kiến trúc công trình dân dụng và nền móng bến bãi, đường xá, sản xuất các loại vật liệu xây dựng.

- Nhận gia công cơ khí các loại phao neo sông, biển, sửa chữa các loại ô tô, máy móc thiết bị, tham gia đấu thầu và nhận đấu các công trình trong và ngoài nước.

- Làm đại lý và cho thuê các phương tiện thiết bị: cần cẩu, xà lan. đầu kéo ô tô máy thi công và mua bán các loại vật liệu xây dựng.

- Thực hiện liên doanh, liên kết với các cơ quan, Xí nghiệp, Công ty, các cá nhân trong và ngoài nước.

## ***2.2. Quy trình công nghệ và sản phẩm của Công ty Công Trình Đường Thủy.***

Do ngành nghề kinh doanh của Công ty Công Trình Đường Thủy là chuyên ngành xây dựng. Vì vậy, quy trình công nghệ (quy trình hoạt động) của một công trình xây dựng thường gồm các giai đoạn: có thể khái quát theo mô hình sau:



**Sơ đồ 1.1: Quy trình công nghệ sản**

### 2.3. Kết quả kinh doanh.

Bảng 1.1: Bảng phân tích một số chỉ tiêu của Công ty trong 2 năm vừa qua.

Chỉ tiêu	Năm 2003	Năm 2004	Chênh lệch	
			±	%
<b>Doanh thu thuần (1000đ)</b>	<b>79.865.597</b>	<b>85.221.789</b>	<b>5.356.192</b>	<b>6,71</b>
<b>Lợi nhuận thuần (1000đ)</b>	<b>590.990</b>	<b>607.194</b>	<b>16.204</b>	<b>2,74</b>
<b>Thuế phải nộp nhà nước (1000đ)</b>	<b>145.478</b>	<b>151.799</b>	<b>6.321</b>	<b>4,34</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế (1000đ)</b>	<b>445.512</b>	<b>455.395</b>	<b>9.883</b>	<b>2,22</b>
<b>Số lượng công nhân viên (người)</b>	<b>1.078</b>	<b>1.124</b>	<b>46</b>	<b>4,27</b>
<b>Thu nhập bình quân tháng(VNĐ/ người)</b>	<b>822.480</b>	<b>891.870</b>	<b>69.390</b>	<b>8,44</b>

Qua bảng trên ta thấy, doanh thu thuần năm 2004 tăng so với năm 2003 là 5.356.192.000đ tương ứng 6,71%. Điều đó chứng tỏ công ty đã có những nỗ lực trong việc giành được nhiều các hợp đồng xây dựng các công trình. Sở dĩ đạt được điều đó là nhờ ở uy tín của Công ty về chất lượng các công trình đã hoàn thành. Lợi nhuận thuần năm 2004 tăng so với năm 2003 là 16.204.000đ tương ứng 2,74%, mức tăng thấp. Ta thấy tốc độ tăng của doanh thu cao hơn tốc độ tăng của lợi nhuận trước thuế. Điều này có thể giải thích được bởi vì năm 2004 là một năm có nhiều biến động về thị trường cung cấp vật tư gây khó khăn cho toàn ngành xây dựng. Hơn nữa, do hoạt động kinh doanh chủ yếu bằng vốn vay, nhất là vay vốn để đầu tư thiết bị phục vụ cho lĩnh vực xây lắp, lãi vay phải trả lớn nên mặc dù kinh doanh có lãi nhưng còn rất thấp. Lợi nhuận sau thuế tăng 9.883.000đ tương ứng 2,22%. Số lượng công nhân viên tăng 46 người đó cũng là một tất yếu khách quan khi Công ty mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Lợi nhuận tăng nên thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên trong Công ty cũng được cải thiện tăng từ 822.480đ lên 891.870đ tương ứng với 8,44%. Qua sự phát triển trên cho thấy hướng đi hoàn toàn đúng đắn và có lợi. Để đạt được mục tiêu đề ra năm 2005 công ty sẽ tiếp tục đầu tư chiều sâu mua sắm mới tài sản cố định nhằm đổi mới công nghệ, tăng ngân sách lao động đáp ứng nhu cầu của thị trường trong năm 2005 Công ty sẽ nỗ lực sản xuất kinh doanh như tìm hiểu thị trường, tiếp cận công nghệ mới, tăng vòng quay của vốn tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng và trình độ cán bộ công nhân viên, nâng cao chất lượng sản phẩm truyền thống mở rộng thị trường tiêu thụ để phấn đấu đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra năm 2005.

### **3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Công Trình Đường Thủy.**

Công ty Công Trình Đường Thủy là một doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, là thành viên của Tổng công ty Xây Dựng Đường



Thuỷ hoạt động theo phân cấp của điều lệ Tổng Công ty và điều lệ của Công ty.

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Mỗi phòng ban thực hiện một chức năng khác nhau và được quản lý và điều hành bởi Giám đốc Công ty, chịu sự quản lý trực tiếp của Tổng Công ty Xây Dựng Đường Thuỷ. Ngoài ra còn có các phó giám đốc phụ trách giúp việc cho giám đốc. Các công trường trực thuộc hoạt động kinh tế theo chế độ hạch toán phụ thuộc, tất cả các hoạt động kinh tế đều phải thông qua Công ty. Mỗi công trường đều có một chỉ huy trưởng và 2 chỉ huy phó do Công ty bổ nhiệm quản lý chung và chịu trách nhiệm trước Công ty.

Tổ chức bộ máy của Công ty gồm có:

+ Bộ phân quản lý gồm có:

- Giám đốc Công ty.
- Phó Giám đốc Kế hoạch - Thị trường.
- Phó Giám đốc Kỹ thuật - Thi công.
- Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh.

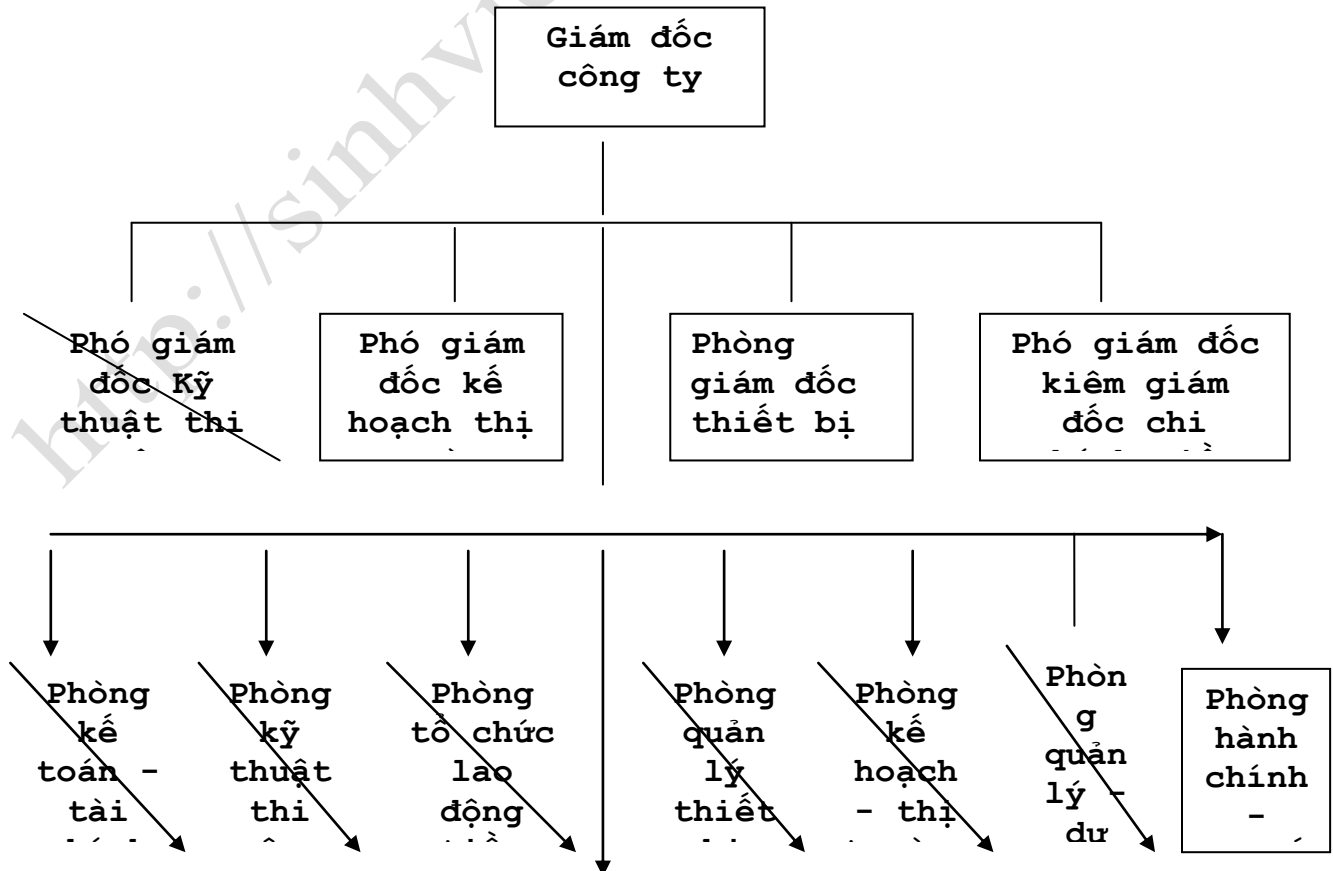
+ Bộ phận nghiệp vụ có:

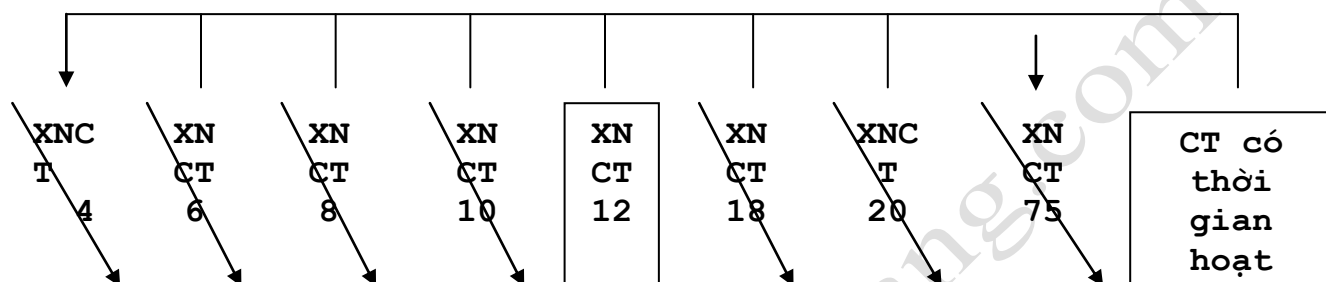
- Phòng Kế hoạch - Thị trường.
- Phòng Thiết bị - Vật tư.
- Phòng tổ chức Lao động - Tiền lương.
- Phòng Kỹ thuật - Thi công.
- Phòng Quản lý - Dự án.
- Phòng Hành chính - Y tế.

+ Các đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc có:

- Xí nghiệp Công Trình 4.
- Xí nghiệp Công Trình 6.
- Xí nghiệp Công Trình 10.
- Xí nghiệp Công Trình 12.
- Xí nghiệp Công Trình 18.
- Xí nghiệp Công Trình 20.
- Xí nghiệp Công Trình 75.
- Công trường có thời gian hoạt động xác định.
- + Chi nhánh công ty tại Miền Nam.

Có thể khái quát mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty theo sơ đồ sau:.





*Sơ đồ 1.2: Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Công Trình Đường Thủy*

#### **4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và tình hình vận dụng chế độ kế toán của Công ty Công trình Đường Thủy.**

##### **4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Công Trình Đường Thủy**

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến, hạch toán phân tán.

Phòng kế toán của Công ty Công Trình Đường Thủy gồm 6 người, mỗi người đảm nhiệm một công việc cụ thể gắn với trách nhiệm công việc và trách nhiệm cá nhân mỗi người. Cụ thể:

- **Kế toán trưởng(trưởng phòng kế toán):** Chịu trách nhiệm trước cấp trên và Giám đốc về mọi mặt hoạt động kinh tế của Công ty, có nhiệm vụ tổ chức và kiểm tra công tác hạch toán ở đơn vị. Đồng thời, cũng có nhiệm vụ quan trọng trong việc thiết kế phương án tự chủ tài

chính, đảm bảo khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn vốn của Công ty như việc tính toán chính xác mức vốn cần thiết, tìm mọi biện pháp giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho Công ty.

- **Kế toán tổng hợp (kiêm phó phòng kế toán):** Là người ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế và tập hợp chi phí, tính giá thành, xác định kết quả lãi lỗ của quá trình kinh doanh đồng thời vào Sổ Cái lên bảng thống kê tài sản. Ngoài ra kế toán tổng hợp còn theo dõi tình hình công nợ phải thanh toán với các bạn hàng (kết hợp với kế toán thanh toán)

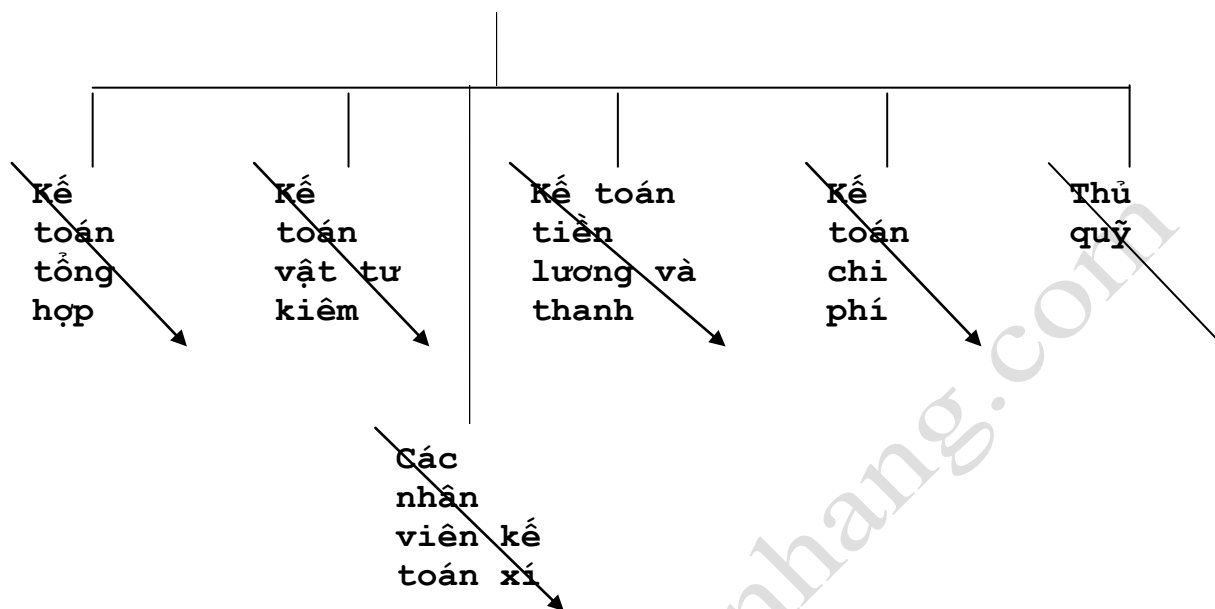
- **Kế toán thanh toán, tiền lương:** Chịu trách nhiệm theo dõi và hạch toán các khoản thanh toán công nợ với Ngân sách Nhà nước, với các thành phần kinh tế, các cá nhân cũng như trong nội bộ Công ty. Đồng thời thanh toán tiền lương cho cán bộ công nhân viên chức theo chế độ hiện hành của Nhà nước

- **Kế toán chi phí, giá thành :** Thực hiện công việc tập hợp chi phí và tính giá thành các công trình hoàn thành.

- **Kế toán ngân hàng, thủ quỹ:** Chịu trách nhiệm về các công việc có liên quan đến ngân hàng, quỹ tiết kiệm, tín dụng, thu hồi vốn từ các khoản nợ... và cũng là người quản lý và giám sát lượng tiền của Công ty.

- **Kế toán vật tư kiêm tài sản cố định:** Theo dõi sự biến động, tình hình nhập, xuất, tồn của các loại vật tư. Đề ra các biện pháp tiết kiệm vật tư dùng vào thi công, khắc phục hạn chế các trường hợp hao hụt, mất mát. Đồng thời, theo dõi tình hình biến động của tài sản cố định, tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định cho các đối tượng sử dụng theo tỷ lệ quy định. Có thể khái quát mô hình bộ máy kế toán theo sơ đồ sau:

<p style="text-align: center;"><b>Kế toán trưởng</b></p>
--



**Sơ đồ 1.3: Mô hình bộ máy kế toán của Công ty Công Trình Đường Thủy**

#### **4.2 Những thông tin chung về tổ chức công tác kế toán tại Công ty Công Trình Đường Thủy.**

Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty Công Trình Đường Thủy là : Quyết định số 1864/1998/QĐ/BTC ngày 16/12/1998

Niên độ kế toán mà Công ty áp dụng là theo năm tài chính từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

Phương pháp tính thuế GTGT là : Phương pháp khấu trừ.

**Thuế GTGT được khấu trừ = thuế GTGT đầu ra - thuế GTGT đầu vào**

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính khấu hao TSCĐ : Phương pháp đường thẳng.

Mức khấu hao trung bình quân

Nguyên giá TSCĐ

= \_\_\_\_\_

Phương pháp xác định giá trị vật tư: Phương pháp giá thực tế đích danh.

**a. Chứng từ kế toán**

Trong quá trình hạch toán kế toán Công ty sử dụng các chứng từ (quyết định số 1864/1998/QĐ/BTC ngày 26/12/1998) sau:

**Danh mục và biểu mẫu chứng từ kế toán**

STT	Tên chứng từ	Số hiệu chứng từ	Dạng
1	2	3	4
<b>I- Lao động tiền lương</b>			
1	Bảng chấm công	01 - lđtl	BB
2	Bảng thanh toán tiền lương	02 - lđtl	BB
3	Phiếu nghỉ hưởng bảo hiểm xã hội	03 - lđtl	BB
4	Bảng thanh toán bảo hiểm xã hội	04 - lđtl	BB
5	Bảng thanh toán tiền thưởng	05 - lđtl	BB
6	Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công trình hoàn thành	06 - lđtl	HD
7	Phiếu báo làm thêm giờ	07 - lđtl	HD
8	Hợp đồng giao khoán	08 - lđtl	HD
9	Biên bản điều tra tai nạn lao động	09 - lđtl	HD
<b>II- Hàng tồn kho</b>			
10	Phiếu nhập kho	01 - VT	BB
11	Phiếu xuất kho	02 - VT	BB
12	Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội	03 - VT	BB

	bộ		
13	Phiếu xuất vật tư theo hạn mức	04 - VT	HD
14	Biên bản kiểm nhiệm	05 - VT	HD
15	Thẻ kho	06 - VT	BB
16	Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ	07 - VT	HD
17	Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hóa	08 - VT	BB
<b>III - Bán hàng</b>			
18	Hoá đơn (GTGT)	01GTGT - 3LL	BB
19	Hoá đơn (GTGT)	02GTGT - 2LL	BB
20	Phiếu kê mua hàng	13 - BH	BB
21	Bảng thanh toán đại lý ký gửi	14 - BH	HD
22	Thẻ quây hàng	15 - BH	HD
<b>IV - Tiền tệ</b>			
23	Phiếu thu	01 - TT	BB
24	Phiếu chi	02 - TT	BB
25	Giấy đề nghị tạm ứng	03 - TT	HD
26	Thanh toán tiền tạm ứng	04 - TT	BB
27	Biên lai thu tiền	05 - TT	HD
28	Bảng kiểm kê ngoại tệ, vàng bạc, đá quý	06 - TT	HD
29	Bảng kiểm kê quỹ	07a - TT	BB
30	Bảng kiểm kê quỹ	07b - TT	BB
<b>V - Tài sản cố định</b>			
31	Biên bản giao nhận TSCĐ	01 - TSCĐ	BB
32	Thẻ TSCĐ	02 - TSCĐ	BB
33	Biên bản thanh lý TSCĐ	03 - TSCĐ	BB
34	Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa tài sản cố định	04 - TSCĐ	HD

35	Biên bản đánh giá lại TSCĐ	05 - TSCĐ	HD
<b>VI - sản xuất</b>			
36	Phiếu theo dõi ca máy thi công	01 - SX	HD

***b. Hệ thống tài khoản kế toán.***

Theo quyết định số 1864/1998/QĐ/BTC ngày 26/12/1998 của Bộ Tài chính, hệ thống tài khoản trong Công ty Công Trình Đường thuỷ gồm: 72 tài khoản tổng hợp trong Bảng cân đối kế toán và 8 tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán. Về cơ bản tên gọi, kí hiệu và nội dung các tài khoản này nhất quán với hệ thống tài khoản áp dụng trong các doanh nghiệp khác ban hành theo Quyết định 1141 TC/CĐKT ngày 1/11/1995 của Bộ Tài chính (đã sửa đổi, bổ sung). Theo quy định hiện hành, để hạch toán hàng tồn kho trong xây lắp, kế toán chỉ áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên mà không dùng phương pháp kiểm kê định kỳ. Vì vậy, để phù hợp với những đặc điểm của ngành xây lắp, hệ thống tài khoản kế toán áp dụng tại Công ty Công Trình Đường thuỷ có một số khác biệt so với hệ thống tài khoản chung.

Cụ thể:

**Loại 1: Tài sản lưu động.**

- Bổ sung tài khoản 136 “Phải thu nội bộ”: 1362 “Phải thu khối lượng xây lắp giao khoán nội bộ”.
- Bổ sung các tiểu khoản của tài khoản 141, bao gồm:
  - + 1411 “Tạm ứng lương và các khoản trích theo lương”.
  - + 1412 “Tạm ứng mua vật tư, hàng hoá”.
  - + 1413 “Tạm ứng chi phí giao khoán xây lắp nội bộ”.
  - + 1418 “Tạm ứng khác”.



- Bổ sung các tiểu khoản của tài khoản 152, bao gồm:

+ 1521 “Nguyên liệu, vật liệu chính”.

+ 1522 “Vật liệu phụ”.

+ 1523 “Nhiên liệu”.

+ 1524 “Phụ tùng thay thế”.

+ 1526 “Thiết bị XDCB”.

+ 1528 “Vật liệu khác”

- Bổ sung các tiểu khoản của tài khoản 154, bao gồm:

+ 1541 “Xây lắp”.

+ 1542 “Sản phẩm khác”.

+ 1543 “Dịch vụ”.

+ 1544 “Chi phí bảo hành xây lắp”.

### **Loại 2: Tài sản cố định**

- Bổ sung thêm tiểu khoản 2117 “Giàn giáo, cốp pha”.

### **Loại 3: Nợ phải trả**

Bổ sung thêm một số tài khoản sau:

- Tài khoản 315 “Nợ dài hạn đến hạn trả”, chi tiết:

+ TK 3151 “Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng”.

+ TK 3152 “Nợ dài hạn đến hạn trả đối tượng khác”.

- Tài khoản 331 “Phải trả cho người bán”, chi tiết:

+ 3311 “Phải trả cho đối tượng khác”.

+ 3312 “Phải trả cho bên nhận thầu, nhận thầu phụ”.

- Tài khoản 334 “Phải trả công nhân viên”, chi tiết:

- + 3341 “Phải trả công nhân viên”.
- + 3342 “Phải trả lao động thuê ngoài”.
- Tài khoản 335 “Chi phí phải trả”, chi tiết:
  - + 3351 “Trích trước chi phí bảo hành”.
  - + 3352 “Chi phí phải trả”.
- Tài khoản 336 “Phải trả nội bộ”, chi tiết:
  - + 3362 “Phải trả về khối lượng xây lắp nhận khoán nội bộ”.
  - + 3368 “Phải trả nội bộ khác”.

#### **Loại 5: Doanh thu.**

- Bổ sung vào tài khoản “Doanh thu bán hàng” : TK 5112 “Doanh thu bán các thành phẩm, sản phẩm xây lắp hoàn thành, chi tiết TK 51121 “Doanh thu sản phẩm xây lắp”, TK 51122 “Doanh thu bán thành phẩm khác”.

- Bổ sung vào tài khoản “Doanh thu bán hàng nội bộ” : TK 5122 “Doanh thu bán các thành phẩm, sản phẩm xây lắp hoàn thành, chi tiết Tk 51221 “Doanh thu sản phẩm xây lắp”, TK 51222 “Doanh thu bán thành phẩm khác”.

#### **Loại 6: Chi phí sản xuất - kinh doanh.**

Bỏ và bổ sung các tài khoản sau:

- Bỏ tài khoản 611 “Mua hàng”.
- Bổ sung tài khoản 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”, Chi tiết:
  - + 6231 “Chi phí nhân công”.
  - + 6232 “Chi phí vật liệu”.
  - + 6231 “Chi phí dụng cụ sản xuất”.
  - + 6231 “Chi phí khấu hao máy thi công”.

- + 6231 “Chi phí dịch vụ mua ngoài”.
- + 6231 “Chi phí bằng tiền khác”.
- Bỏ tài khoản 631 “Giá thành sản xuất”.

**Loại 0: Tài khoản ngoài bảng.**

- Bổ sung tài khoản 005 “Nguồn vốn vay bằng ngoại tệ”.

**c. Hệ thống sổ kế toán.**

Tại Công ty Công Trình Đường Thủy áp dụng hình thức sổ kế toán: **Chứng từ Ghi sổ**. Đặc điểm của hình thức này là mọi nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được phân loại theo các chứng từ cùng nội dung, tính chất nghiệp vụ để lập chứng từ ghi sổ trước khi ghi vào sổ kế toán tổng hợp.

\* Hệ thống sổ kế toán:

- Sổ kế toán tổng hợp bao gồm: Sổ đăng ký Chứng từ Ghi sổ và Sổ cái tài khoản.

+ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ: Là loại sổ kế toán tổng hợp ghi theo thứ tự thời gian dùng để đăng ký các chứng từ ghi sổ, đảm bảo an toàn cho Chứng từ Ghi sổ, có tác dụng đối chiếu với các số liệu ghi ở Sổ Cái.

+ Sổ cái tài khoản: Là sổ kế toán tổng hợp ghi theo hệ thống từng tài khoản kế toán.

- Sổ chi tiết bao gồm :

+ Sổ tài sản cố định;

+ Sổ chi tiết nguyên vật liệu, sản phẩm, hàng hoá;

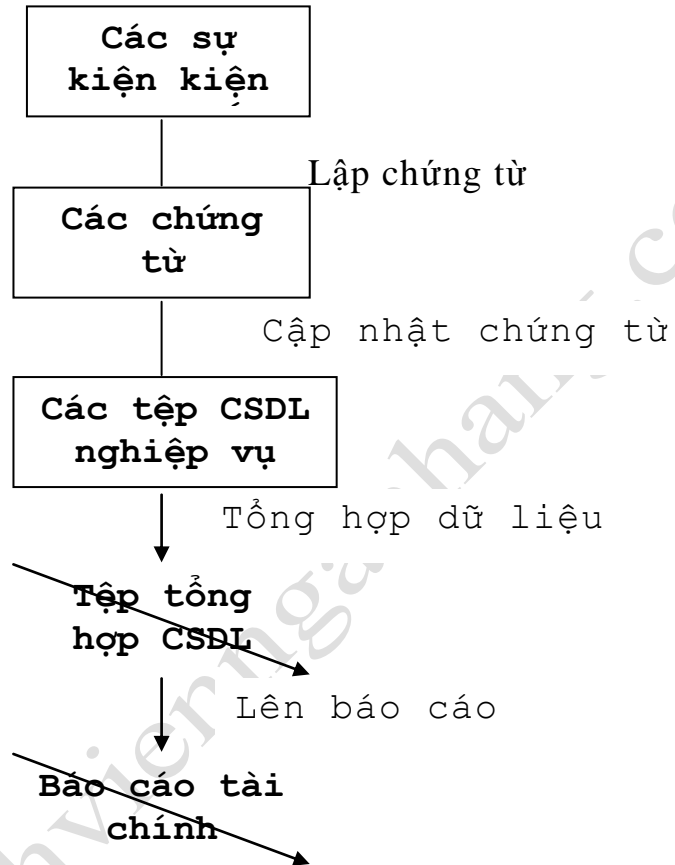
+ Thẻ kho (ở kho vật liệu, sản phẩm, hàng hoá);

+ Sổ chi phí sản xuất kinh doanh;

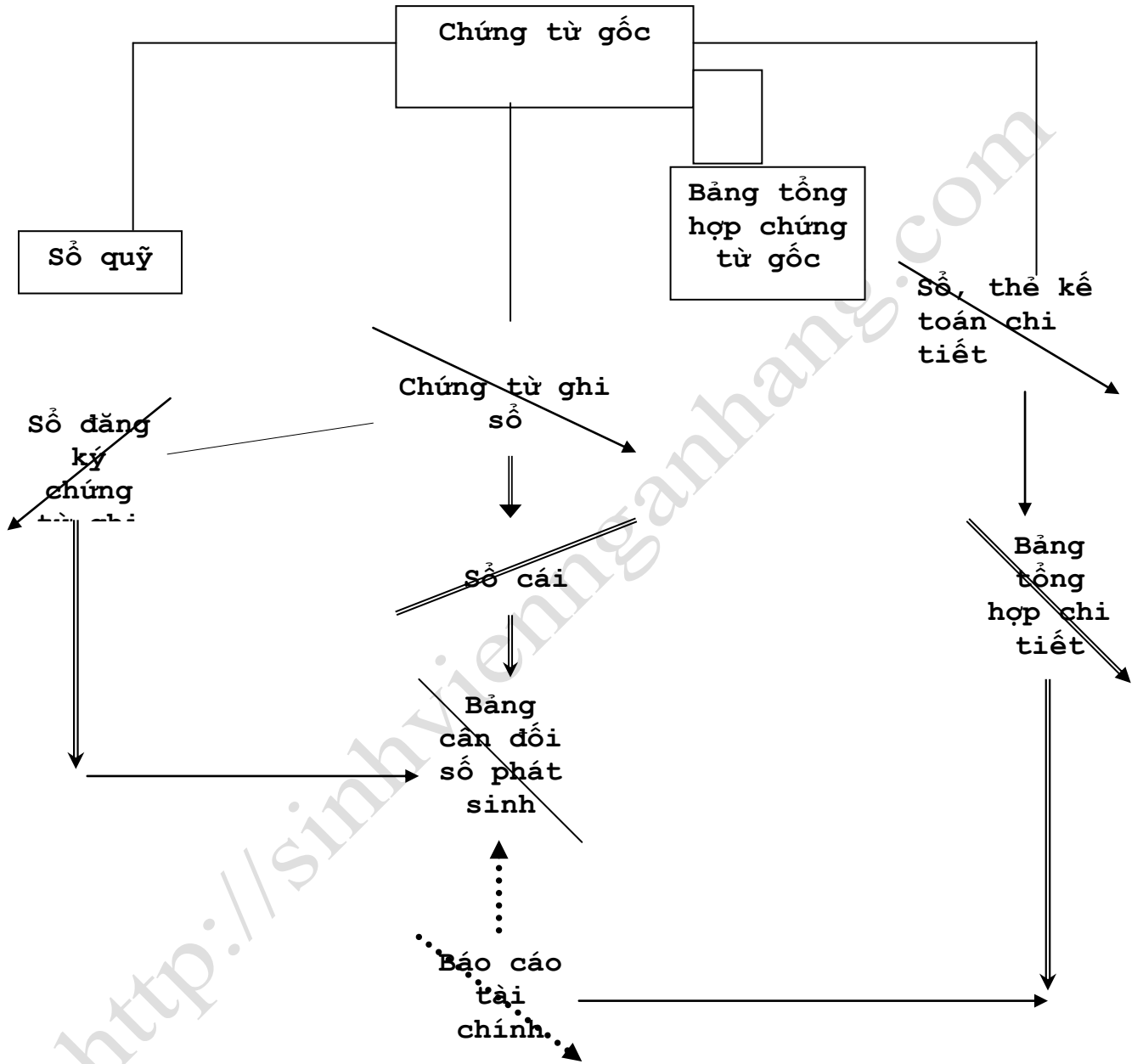
+ Thẻ tính giá thành sản phẩm, dịch vụ;

- + Sổ chi tiết chi phí trả trước, chi phí phải trả;
- + Sổ chi tiết chi phí sử dụng xe, máy thi công;
- + Sổ chi tiết chi phí sản xuất chung;
- + Sổ chi tiết chi phí bán hàng;
- + Sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp;
- + Sổ giá thành công trình, hạng mục công trình;
- + Sổ chi tiết tiền gửi, tiền vay;
- + Sổ chi tiết thanh toán: với người mua, với người bán, với Ngân sách Nhà nước, thanh toán nội bộ;

Công ty sử dụng phần mềm kế toán máy FAST ACCOUNTING để hạch toán.

**Sơ đồ 1.4: Quy trình ghi sổ kế toán máy:**

**Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ**



====> Ghi theo ngày( phát sinh nghiệp vụ)

—> Ghi cuối quý

◀.....▶ đối chiếu, kiểm tra

Theo sơ đồ qui trình ghi sổ trên (áp dụng cho tất cả các phần hành). khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các chứng từ gốc phản ánh nghiệp vụ đó được tập hợp lại trên phòng Kế toán tài chính. Nội dung nghiệp vụ trên chứng từ được kế toán các phần hành nhập vào máy tính dưới hình thức Chứng từ ghi sổ. Những dữ liệu kế toán này sẽ thông qua phần mềm kế toán máy, được tổng hợp thành các sổ, thẻ kế toán chi tiết, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Vào cuối quý, chương trình kế toán máy sẽ tổng hợp dữ liệu thành bảng tổng hợp chi tiết, sổ cái, bảng cân đối số phát sinh, các báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo qui định của Nhà nước về chế độ kế toán và theo yêu cầu quản trị của ban lãnh đạo Công ty. Việc đối chiếu, kiểm tra giữa sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Bảng cân đối số phát sinh cũng được phần mềm kế toán máy tự thực hiện.

#### ***d. Hệ thống báo cáo kế toán.***

##### ***d.1. Mục đích lập hệ thống báo cáo tài chính của Công ty Công Trình Đường Thủy.***

- Tổng hợp và trình bày một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, nguồn vốn, công nợ, tình hình và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty trong một kỳ kế toán.

- Cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu cho việc đánh giá tình hình và kết quả hoạt động, thực trạng tài chính, dự đoán của Công ty trong tương lai. Thông tin của báo cáo tài chính là căn cứ quan trọng cho việc đề ra các quyết định về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoặc đầu tư vào Công ty của các chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, các nhà đầu tư, các chủ nợ hiện tại và tương lai.

Để phục vụ yêu cầu quản lý kinh tế, tài chính, yêu cầu chỉ đạo, điều hành, công ty xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật lập các báo cáo sau:

- Các báo cáo bắt buộc phải lập:
  - + Bảng cân đối kế toán.

- + Kết quả hoạt động kinh doanh.
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

Ngoài ra, để phục vụ yêu cầu quản lý kinh tế, tài chính, yêu cầu chỉ đạo điều hành của ban lãnh đạo Công ty, Công ty có thêm các báo cáo tài chính chi tiết khác như: Báo cáo giá thành sản phẩm xây lắp, sản phẩm sản xuất, dịch vụ, Báo cáo chi tiết chi phí sản xuất, chi phí quản lý doanh nghiệp, Báo cáo chi tiết công nợ, Báo cáo chi tiết nhân sự, Báo cáo tăng, giảm tài sản cố định, Báo cáo kiểm kê chi tiết tài sản cố định Báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện dự án của Công ty ...

#### ***d.2. Nội dung và mục đích của một số các báo cáo tài chính như sau:***

- ***Bảng cân đối kế toán:*** Bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản đó của công ty tại thời điểm báo cáo.

Số liệu trên bảng cân đối kế toán cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của công ty theo cơ cấu tài sản, nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn hình thành các tài sản đó. Căn cứ vào bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của Công ty.

- ***Kết quả hoạt động kinh doanh:*** Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh trong từng kỳ kế toán của Công ty, chi tiết theo hoạt động kinh doanh chính và các hoạt động khác; tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước về thuế và các khoản phải nộp khác; giá thành sản phẩm xây lắp, doanh thu công trình, hạng mục công trình xây lắp và các sản phẩm khác.

- ***Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:*** Lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tổng hợp, phản ánh việc hoàn thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ báo cáo của Công ty.

- ***Thuyết minh báo cáo tài chính:*** Được lập để giải thích và bổ sung thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo mà các báo cáo tài chính khác không thể trình bày rõ ràng hoặc chi tiết được.



## **Phần 2: Thực trạng hạch toán tài sản cố định tại Công ty Công Trình Đường Thủy.**

### **1. Đặc điểm, yêu cầu quản lý và nhiệm vụ hạch toán tài sản cố định tại Công ty Công Trình Đường Thủy**

#### ***1.1. Đặc điểm TSCĐ tại Công ty Công Trình Đường Thủy.***

TSCĐ tại Công ty Công trình Đường Thủy chủ yếu là máy móc thiết bị phục vụ thi công công trình và phương tiện vận tải truyền dẫn. Máy móc thiết bị thường xuyên chiếm khoảng 35% đến 45%, phương tiện vận tải truyền dẫn chiếm khoảng 30% trong cơ cấu TSCĐ tại Công ty. Ngoài ra còn có nhà cửa vật kiến trúc và các thiết bị dụng cụ quản lý. Trong Công ty Công Trình Đường Thủy cũng có những TSCĐ vô hình như quyền sử dụng đất, chi phí thành lập doanh nghiệp, lợi thế thương mại, thương hiệu nhưng Công ty không đánh giá TSCĐ vô hình. Những TSCĐ vô hình này đều được Tổng Công ty cấp, không có tài sản thuê tài chính.

TSCĐ của Công ty bao gồm:

- + Thiết bị thi công nền như máy ủi, máy xúc, máy lu, máy đầm,...
- + Thiết bị thi công cầu tàu bến cảng, ụ, triền đà, kè,...như giàn búa đóng cọc, búa nhồi, nhồi,...
- + Máy xây dựng gồm cần cẩu, trạm trộn bê tông, xe chuyên dùng,...
- + Phương tiện vận tải gồm: các loại tàu kéo, sà lan công trình, xe trộn và vận chuyển bê tông.

TSCĐ của Công ty tăng chủ yếu là do đầu tư mua mới, được cấp trên cấp; giảm chủ yếu là do thanh lý, nhượng bán. Sau đây là các chứng từ và quy trình luân chuyển của các quá trình tăng, giảm TSCĐ tại Công ty:

## ***1.2. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ hạch toán tài sản cố định tại công ty công trình đường thủy.***

### ***1.2.1. Yêu cầu quản lý***

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp. TSCĐ lại chiếm tỷ trọng lớn ( 35% đến 45%) trong tổng số vốn của công ty, đóng vai trò rất quan trọng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nâng cao năng suất lao. Vì vậy, việc tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả TSCĐ sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo toàn nguồn vốn cũng như nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, tránh được sự lãng phí, thất thoát, giảm năng lực sản xuất,... công ty có những quy định sau:

Mỗi TSCĐ phải được tổ chức theo dõi đến từng xí nghiệp, được lập một bộ hồ sơ gốc bao gồm hồ sơ kỹ thuật do phòng vật tư thiết bị quản lý và hồ sơ do phòng kế toán quản lý. Đó là toàn bộ các chứng từ có liên quan đến TSCĐ bắt đầu từ khi mua sắm đưa vào sử dụng cho đến khi thanh lý, nhượng bán... khi múãm , thanh lý , nhượng bán phải lập tờ trình lên Tổng giám đốc công ty phê duyệt.

Định kỳ công ty tiến hành kiểm kê TSCĐ. Tùy vào từng loại tài sản mà công ty có quy định việc kiểm kê (TSCĐ dùng cho khối văn phòng thì kiểm kê một lần vào cuối năm, TSCĐ dùng cho sản xuất kinh doanh được kiểm kê định kỳ 6 tháng). khi tiến hành kiểm kê công ty thành lập ban kiểm kê có đại diện các phòng ban có liên quan. Kiểm kê trực tiếp

các đối tượng để xác định số lượng, giá trị thừa hay thiếu, tình trạng kỹ thuật từ đó đưa ra kiến nghị và xử lý.

Công ty chỉ thực hiện việc đang giá lại tài sản trong trường hợp: theo quy định cả nhà nước hoặc tổng giám đốc công ty, góp vốn liên doanh bán hoặc cho thuê (nếu có). Cũng giống như kiểm kê thì việc đánh giá lại TSCĐ công ty cũng thành lập hội đồng đánh giá lại tài sản. sau khi đánh giá lại phải lập biên bản và ghi sổ đầy đủ.

### ***1.2.2. Nhiệm vụ hạch toán.***

xuất phát từ đặc điểm, yêu cầu quản lý của TSCĐ. Việc hạch toán TSCĐ tại Công ty phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Kế toán TSCĐ phải ghi chép, phản ánh đầy đủ, chính xác kịp thời về số lượng giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm. phối hợp chặt chẽ với phòng thiết bị vật tư xem xét tình trạng của TSCĐ từ công ty đến các xí nghiệp nhằm cung cấp thông tin kịp thời để kiểm tra, giám sát việc bảo quản sửa chữa và đầu tư mua mới TSCĐ (khi có nhu cầu).

+ Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và lập dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ, giám sát việc sửa chữa TSCĐ và kết quả sửa chữa.

+ Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn và theo chế độ quy định.

+ Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép các sổ thẻ kế toán cần thiết và hạch toán TSCĐ theo đúng chế độ quy định.

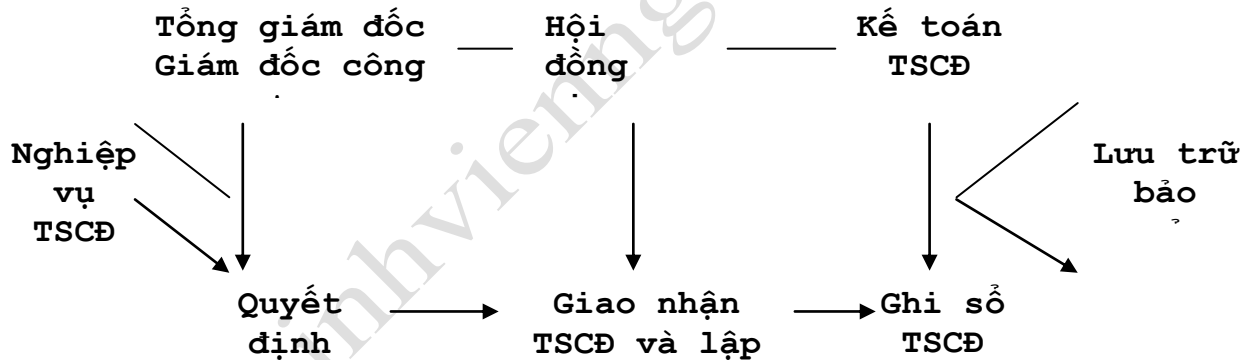
+ Tính toán kịp thời, chính xác tình hình xây dựng của từng xí nghiệp mà từ đó có thể trang bị thêm, đổi mới hoặc tháo dỡ bớt, thanh lý, nhượng bán những TSCĐ không cần thiết

+ Tham gia đánh giá lại TSCĐ theo quy định của nhà nước và theo điều lệ của công ty, yêu cầu bảo quản tốt, tiến hành phân tích việc sử dụng TSCĐ tại công ty cũng như tại các xí nghiệp.

## 2. Hạch toán biến động TSCĐ tại Công ty Công Trình Đường Thủy.

### 2.1. Hạch toán biến động tăng, giảm TSCĐ hữu hình.

TSCĐ của công ty tăng chủ yếu do đầu tư mua sắm mới, được cấp trên cấp; giảm là do nhượng bán, thanh lý. Có thể khái quát quá trình tăng, giảm theo sơ đồ sau:



#### 2.1.1. Hạch toán biến động tăng TSCĐ hữu hình.

##### a. Chứng từ sử dụng:

- Biên bản giao nhận TSCĐ. Chứng từ này được công ty sử dụng khi mua ngoài, nhận vốn góp, xây dựng cơ bản hoàn thành, nhận lại vốn góp liên doanh, được biếu tặng viện trợ.

- Thẻ TSCĐ nhằm theo dõi chi tiết từng TSCĐ của đơn vị và các chứng từ liên quan khác (biên bản thanh lý hợp đồng, giấy ủy nhiệm chi,...).

***b. Tài khoản sử dụng và phương pháp hạch toán***

+ Tài khoản sử dụng.

Để hạch toán biến động tăng TSCĐ hữu hình công ty sử dụng các tài khoản sau:

- TK 211 “Tài sản cố định hữu hình”, chi tiết:

- + 2112 “Nhà cửa vật kiến trúc”.
- + 2113 “Máy móc, thiết bị”.
- + 2114 “Phương tiện vận tải truyền dẫn”.
- + 2115 “Thiết bị dụng cụ quản lý”.
- + 2117 “Giàn giáo, cốp pha”.
- + 2118 “TSCĐHH khác”.

\* Phương pháp hạch toán.

Như đã trình bày ở trên, TSCĐ của công ty chủ yếu là mua sắm. Việc trang bị TSCĐ phải có kế hoạch cụ thể, nhu cầu thực tế và được phê duyệt của Tổng Giám đốc Công ty Xây Dựng Đường Thủy hoặc của Giám đốc Công ty.

Khi có nhu cầu mua sắm TSCĐ để thi công, nâng cao năng suất lao động thì Công ty phải viết tờ trình lên Hội đồng quản trị của Tổng công ty xin được phép đầu tư TSCĐ. Khi được Tổng công ty phê duyệt Công ty tiến hành lập dự án đầu tư TSCĐ. Trong dự án phải nêu lý do đầu tư, khả năng khai thác của TSCĐ, nguồn vốn đầu tư, khả năng sinh lời và hiệu quả của dự án.

Khi được Tổng công ty phê duyệt Công ty tiến hành gửi thư mời chào đến các nhà cung cấp có đủ khả năng cung cấp TSCĐ. Sau khi đã tìm được nhà cung cấp Công ty lập tờ trình lên Tổng công ty ra quyết định lựa chọn nhà cung cấp phù hợp.

Sau đó công ty tiến hành ký hợp đồng với nhà cung cấp. Nhà cung cấp sẽ giao TSCĐ mà công ty cần mua trong khoảng một thời gian nhất định, chuyển giao công nghệ, lắp đặt chạy thử. Sau khi đã kiểm tra hai bên tiến hành nghiệm thu, lập các chứng từ và viết hoá đơn. Khi đã hoàn thành việc lập chứng từ và hoá đơn xong hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền mua TSCĐ, đồng thời làm thủ tục theo dõi TSCĐ trước khi đưa vào sử dụng.

Các tài sản của Công ty được theo từng bộ hồ sơ. Hồ sơ tài sản cố định bao gồm: hồ sơ kỹ thuật (gồm các tài liệu kỹ thuật liên quan đến tài sản cố định được lập, lưu trữ và quản lý tại phòng thiết bị vật tư của Công ty), hồ sơ kế toán (gồm các chứng từ như: quyết định đầu tư, quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty, Hoá đơn GTGT, Uỷ nhiệm chi, biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý hợp đồng,..)

### ví dụ

Ngày 11/10/2004 căn cứ vào nhu cầu sử dụng máy thi công phục vụ cho việc thi công của xí nghiệp 4, được sự cho phép của Tổng Giám đốc công ty. Giám đốc công ty đã quyết định thành lập ban mua quả búa (dùng quỹ đầu tư phát triển để đầu tư). Sau đây là quyết định:

Tổng công ty xây dựng đường thủy  
Công ty công trình đường thủy

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 390 OĐ/CT - OLTB -

Hà Nội ngày 11 tháng 10 năm

**Quyết định của giám đốc công ty**

V/v thành lập Ban mua quả búa

**giám đốc****công ty công trình đường thủy**

- Căn cứ quyết định số **601/QĐ/TCCB - LĐ** ngày 05/04/1993 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải v/v thành lập lại và quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức “ **Công ty Công trình Đường thủy** ”.

- Căn cứ vào nhu cầu phục vụ sản xuất.

- Theo đề nghị của ông Trưởng phòng QL TB - VT.

**Quyết định**

**Điều 1:** Nay thành lập Ban mua Quả búa của Công ty gồm các ông có tên sau:

1. Ông <i>Vũ Nguyên Toàn</i>	T.P. thiết bị vật tư	Trưởng ban
2. Ông <i>Trần Duy Tĩnh</i>	P.P. thiết bị vật tư	Ủy viên
3. Ông <i>Thái Minh Hải</i>	T.P. tài chính kế toán	Ủy viên
4. Ông <i>Trần Văn Công</i>	Giám đốc xí nghiệp 4	Ủy viên

**Điều 2:** Ban mua quả búa có nhiệm vụ:

- Khảo sát thị trường, mua quả búa đảm bảo chất lượng và các thông số kỹ thuật phục vụ thi công công trình.

- Hoàn chỉnh hồ sơ, các thủ tục đưa quả búa vào phục vụ thi công các dự án đảm bảo đúng tiến độ.

- Thường xuyên báo cáo và thực hiện chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

**Điều 3:** Các ông (bà) trưởng phòng nghiệp vụ, Giám đốc các xí nghiệp có liên quan và các ông có tên trên căn cứ phạm vi chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Giám đốc**

**Nơi nhận:**

- Như nói

điều 3

- Lưu QL TB -

**Mai Văn Hoạt**

Khi nhận được quyết định trên, ban mua quả búa khảo sát thị trường tìm nhà cung cấp đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và có giá cả phù hợp. Sau khi đã tìm được nhà cung cấp hai bên sẽ thỏa thuận thống nhất để ký hợp đồng kinh tế cung

cấp thiết bị. Đến ngày 18/10/2004, Công ty cổ phần XNK Vinaconex tiến hành bàn giao quả búa cho công ty kèm hoá đơn bán hàng và biên bản bàn giao quả búa cho Công ty Công trình Đường thủy.

**Hoá đơn (GTGT)**

Mẫu số: 01/GTGT - 3LL

Liên 2: Giao cho khách hàng

số: 010156

**Ngày 18 tháng 10 năm 2004**

Đơn vị bán hàng : **Công ty Cổ phần XNK Vinaconex**

Địa chỉ : Toà nhà số 2 - Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội. Số tài khoản :711A 001181. Ngân hàng Công thương Ba Đình

Mã số thuế: 0100857409 - 1

Họ tên người mua hàng: **Công ty Công trình Đường Thủy**

Địa chỉ: 159 Thái Hà - Đống Đa - Hà Nội. Số tài khoản 710A 00183- Ngân hàng Công thương Đống Đa. mã số thuế 0100109593 - 1

Hình thức thanh toán: Ủy nhiệm chi

Stt	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Quả búa 4.5 <sup>tấn</sup>	Quả	01	391.250.000	391.250.000



Cộng tiền hàng		391.250.000
Tiền thuế GTGT 10%	Tiền thuế GTGT	39.125.000
Tổng cộng tiền thanh toán		430.375.000
Số tiền bằng chữ: Bốn trăm ba mươi triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn		

**Người mua  
hàng**

**Kế toán  
trưởng**

**Thủ trưởng đơn  
vị**

<http://sinhviennghanh.com>

Sau đó công ty tiến hành thanh toán cho bên bán

**Ủy nhiệm chi                      Số: 780**

Chuyển khoản, chuyển tiền thư, điện                      **Lập ngày 18 tháng 10 năm 2004**

Tên đơn vị trả tiền : Công ty công trình đường thủy

Số tài khoản                      : 710A 00183.

Tại Ngân Hàng                : Ngân hàng công thương Đống Đa

**Phần do NH ghi**

**Tài Khoản nợ**

**1122**

Tên đơn vị nhận tiền: Công ty cổ phần XNK Vinaconex

Số tài khoản                      : 711A 001181

Tại Ngân Hàng                : Ngân hàng công thương Ba Đình

**Tài khoản có**

**1122**

Số tiền bằng chữ            : Bốn trăm ba mươi triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn  
đồng chẵn.

**Số tiền bằng số**

**430.375.000**

Nội dung thanh toán: thanh toán tiền mua quả búa Q 4.5<sup>tấn</sup>

**Đơn vị trả tiền**

**Kế toán trưởng            Chủ tài khoản**

**Thái Minh Hải              WACO**

**Ngân hàng công thương Đống Đa**

**Ghi sổ ngày 18 tháng 10 năm 2004**

**Kế toán            Trưởng phòng kế toán**

**Ngân hàng công thương Ba Đình**

**Ghi sổ ngày 18 tháng 10 năm 2004**

**Kế toán            Trưởng phòng kế toán**

Sau khi công việc thanh toán đã hoàn thành công ty cổ phần XNK Vinaconex tiến bàn giao quả búa cho công ty và tiến hành thanh lý hợp đồng mua bán giữa hai bên

**Biên bản bàn giao TSCĐ**

*Ngày 18 tháng 10 năm 2004*

Hôm nay, tại Công ty Cổ phần XNK Vinaconex, chúng tôi gồm:

**Bên giao**

Ông : **Vũ Minh Tâm** Chức vụ Giám đốc

Đại diện cho : **Công ty cổ phần XNK Vinaconex**

Địa chỉ: toà nhà số 2 - Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội

**Bên nhận:**

Ông: **Vũ Nguyên Toàn** Chức vụ Trưởng phòng thiết bị vật tư

Ông : **Trần Văn Công** Chức vụ Giám đốc xí nghiệp 4

Đại diện cho: **Công ty Công Trình Đường Thủy**

Địa chỉ: 159 Thái Hà - Đống Đa - Hà Nội

Cùng nhau tiến hành bàn giao quả búa và ký vào biên bản bàn giao TSCĐ

Stt	Tên TSCĐ	Số hiệu	Nguyên giá	Tài liệu kèm theo
1	2	3	4	5
01	Quả búa 4.5 <sup>tấn</sup>	Q 4.5 <sup>t</sup>	391.250.000	
	Tổng cộng		391.250.000	

Các giấy tờ kèm theo:

1. Biên bản nghiệm thu.
2. Hoá đơn GTGT xuất cho khách hàng.
3. Sổ bảo hành.

Sau khi kiểm tra, hai bên cùng thống nhất bàn giao quả búa trên với đầy đủ tính năng kỹ thuật, chất lượng và các giấy tờ như trong biên bản.

Biên bản này được ký vào ngày 18 tháng 10 năm 2004 và được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**Đại diện bên  
nhận**

**Bên người nhận sử  
dụng**

**Đại diện bên  
giao**

*Trần Văn Công*

Tổng công ty xây dựng đường thủy  
Công ty công trình đường thủy

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam  
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

SỐ: 915/TLHD

Hà Nội ngày 26 tháng 10 năm

### **Biên bản thanh lý hợp đồng**

- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 00867/HĐKT ký ngày 12 tháng 10 năm 2004 giữa Công ty công trình đường thủy và Công ty cổ phần XNK Vinaconex về việc mua quả búa Q 4.5<sup>tấn</sup>

- Căn cứ vào các biên bản giao nhận thiết bị giữa hai bên( chi tiết kèm theo).

Hôm nay, ngày 26 tháng 10 năm 2004

**Bên mua: Công ty Công Trình Đường Thủy**

Đại diện : Ông *Mai Văn Hoạt* Chức vụ Giám đốc

Địa chỉ: 159 Thái Hà - Đống Đa - Hà Nội.

Số tài khoản 710A 00183. Ngân hàng công thương Đống Đa.

Mã số thuế 0100109593 - 1

**Bên bán: Công ty cổ phần XNK Vinaconex**

Đại diện: Ông *Vũ Minh Tâm* Chức vụ Giám đốc

Địa chỉ : Toà nhà số 2 - Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội.

Số tài khoản : 711A 001181. Ngân hàng công thương Ba Đình

Mã số thuế: 0100857409 - 1

Cùng nhau thanh lý hợp đồng kinh tế số 00867/HĐKT ký ngày 12 tháng 10 năm 2004 với nội dung như sau:

1. Bên bán đã giao, bên mua đã nhận nguyên trạng 01 quả búa Q 4.5<sup>tấn</sup> với các tiêu chuẩn kỹ thuật và phụ tùng kèm theo đã được bàn giao đầy đủ như trong biên bản bàn giao ngày 18 tháng 10 năm 2004.

2. Bên mua đã thanh toán một lần cho bên bán số tiền mua quả búa theo giá trị hợp đồng thoả thuận giữa hai bên là: 391.250.000 (ba trăm chín mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Bên bán đã xuất hoá đơn số: 010156 cho bên mua ngày 18 tháng 10 năm 2004

3. Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng kinh tế số 00867/HĐKT ký ngày 12 tháng 10 năm 2004, kể từ ngày hôm nay, đến thời điểm này hai bên không còn trách nhiệm với nhau trước phát luật về việc thực hiện các điều khoản như đã quy định tại hợp đồng kinh tế số 00867/HĐKT ký ngày 12 tháng 10 năm 2004

Biên bản thanh lý hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 03 bản

**Đại diện bên bán**

**Đại diện bên mua**

**Mai Văn Hoạt**

**Vũ Minh Tâm**

Từ biên bản bàn giao TSCĐ ngày 18 tháng 10 năm 2004, kế toán lập thẻ, sau đó vào sổ chi tiết TSCĐ( do Công ty tự lập)

**thẻ tài sản cố định**

Số: 435

**Ngày 18 tháng 10 năm 2004**

Kế toán trưởng: **Thái Minh Hải**

Căn cứ vào biên bản bàn giao TSCĐ ngày 18 tháng 10 năm 2004

Tên, ký hiệu TSCĐ: quả búa Q 4.5<sup>tấn</sup>. số ký hiệu TSCĐ: Q 4.5<sup>tấn</sup>

Bộ phận sử dụng: Xí nghiệp 4. Năm sử dụng 2004

Công suất thiết kế:

Đình chỉ TSCĐ ngày .. tháng... năm

Lý do đình chỉ....

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn		
	Ngày tháng	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
	18/10	Mua quả búa Q 4.5 <sup>tấn</sup>	391.250.000			

Số tt	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số....ngày ...tháng... năm..

Lý do giảm.....

Sau khi đã tập hợp chứng từ đầy đủ, kế toán TSCĐ cập nhật vào máy bằng  
bút toán :

Nợ TK 2113: 391.250.000

Nợ TK 1332: 39.125.000

Có 1122: 430.375.000

Khi tài sản này đưa vào sử dụng kế toán ghi bút toán chuyển nguồn

Nợ TK 414: 391.250.000

Có TK 411: 391.250.000

+ Ghi sổ.

Kế toán tiến hành ghi sổ

Tổng công ty xây dựng đường thủy  
Công ty công trình đường thủy

**Chứng từ ghi sổ**

Số: 0123

**Ngày 31 tháng 12 năm 2004**

Diễn giải	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua quả búa Q4.5 <sup>tân</sup>	2113	1122	391.250.000	Mua sắm
Máy in lazer Canon LBP 1120	2113	1111	19.500.000	Mua sắm

Kèm theo 09 chứng từ gốc

**Người lập**

**Kế toán trưởng**



Tổng công ty xây dựng đường thủy  
Công ty công trình đường thủy

**Sổ cái**  
**Tài khoản 211- TSCĐ công ty**  
**Quý 4/2004**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		55.235.670.000	
14/10	021	Mua máy in Canon LBP 1120	1111	19.500.000	
18/10	023	Mua quả búa Q 4.5 <sup>tân</sup>	1122	391.250.000	
25/10	024	Thanh lý:			
		+ máy nén khí M3 - LX	214		22.641.667
			811		5.958.333
		+ Máy ủi T150LX	214		123.335.000
			811		21.765.000
		Tổng phát sinh trong quý		410.750.000	173.700.000
		Số dư cuối quý		55.472.720.000	
		Cộng lũy kế từ đầu quý		55.472.720.000	

**Ngày 31 tháng 12 năm  
2004**

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn  
vị

**2.1.1. Hạch toán biến động giảm TSCĐ hữu hình.**

Hàng năm, công ty sẽ tiến hành kiểm kê tài sản đánh giá lại hiện trạng của TSCĐ. Khi thấy TSCĐ đã khấu hao hết, tài sản không còn giá trị, hoặc bị hư hỏng không thể sửa chữa được nữa thì Công ty sẽ tiến hành thanh lý để thu hồi vốn. Việc thanh lý này phải được sự đồng ý của Tổng Giám đốc công ty và Giám đốc Công ty phê duyệt. Kế toán phải lập hồ sơ như: quyết định thanh lý, biên bản thanh lý.

Tổng công ty xây dựng đường thủy  
Công ty công trình đường thủy

Số 875/CT - QLTB - VT

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt  
nam

**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**Quyết định****Của giám đốc công ty công trình đường thủy****V/v thanh lý TSCĐ**

Giám đốc Công ty Công Trình Đường Thủy

- Căn cứ vào quyết định số số 288 QĐTC ngày 01-07-1972 thuộc Tổng Công ty Xây Dựng Đường Thủy của bộ giao thông vận tải về thành lập Công ty Công Trình Đường Thủy (tiền thân là Công ty Công Trình Đường Sông I)
- Căn cứ vào nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty
- Theo đề nghị của ông trưởng phòng QLTB - VT

**quyết định**

**Điều 1:** Nhượng bán TSCĐ (có biên bản kèm theo)

Cho công ty TNHH Phúc Anh

Địa chỉ : TX Hà Đông, Hà tây

Tài khoản số 710A - 40879 tại Ngân hàng công thương Hà tây

**Điều 2:** Các phòng kế toán tài chính, quản lý thiết bị có trách nhiệm thực hiện quyết định này

**Nơi gửi:**

**Giám đốc công ty**

- Phòng kế toán tài chính
- Phòng quản lý thiết bị
- Lưu tại văn phòng

**Mai Văn Hoạt**

Tổng công ty xây dựng đường thủy  
Công ty công trình đường thủy

Ban hành theo Quyết  
định 1864/1998/QĐ/BTC  
ngày 16/12/1998  
của Bộ Tài chính

### **Biên bản thanh lý TSCĐ**

**Ngày 25 tháng 10 năm 2004**

Căn cứ quyết định số 875/CT - QLTB - VT ngày 20 tháng 10 năm 2004 của giám đốc Công ty Công Trình Đường Thủy về việc thanh lý thiết bị.

#### **I. ban thanh lý tài sản gồm:**

Ông Vũ Nguyên Toàn	T.P thiết bị vật tư	trưởng ban
Ông Trần Duy Tĩnh	P.P thiết bị vật tư	ủy viên
Ông Thái Minh Hải	T.P tài chính kế toán	ủy viên
Ông Trần Văn Công	Giám đốc xí nghiệp 4	ủy viên

#### **II. tiến hành thanh lý**

<b>Tên mã, ký hiệu, quy cách</b>	<b>Năm sử dụng</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>Giá trị còn lại</b>
Máy nén khí M3 - LX	6/1998	28.600.000	22.641.667	5.958.333
Máy ủi T150LX	6/1996	145.100.000	123.335.000	21.765.000
Tổng cộng		173.700.000	145.976.667	27.723.333

### **III. kết luận của Ban thanh lý**

Các thiết bị trên hiện nay không còn sử dụng được, không phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay.

Biên bản này gồm 06 bản, một bản giao cho phòng kế toán để theo dõi trên sổ sách, các biên bản còn lại giao cho bộ phận sử dụng và quản lý TSCĐ để lưu giữ.

Ngày 25 tháng 10 năm  
2004

**Trưởng ban thanh lý**

### **IV kết quả thanh lý**

- Chi phí thanh lý: 3.000.000 (ba triệu đồng).
- Giá trị thu hồi: 28.600.000 (hai mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn)
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 25/10/2004

**Thủ trưởng đơn vị**  
**Giám đốc**

**Mai Văn Hoạt**

Ngày 25 tháng 10  
năm 2004  
**Kế toán trưởng**

**Thái Minh Hải**

**Hoá đơn (GTGT)**

Mẫu số: 01/GTKT - 3LL

Liên 3: Dùng để hạch toán

Số: 01203

**Ngày 25 tháng 10 năm 2004**Đơn vị bán hàng : **Công ty Công trình Đường thủy**

Địa chỉ : Địa chỉ: 159 Thái Hà - Đống Đa - Hà Nội. Số tài khoản 710A 00183-

Ngân hàng Công thương Đống Đa. Mã số thuế 0100109593 - 1

Mã số thuế: 0100857409 - 1

Họ tên người mua hàng: **Công ty TNHH Phúc Anh**

Địa chỉ : TX Hà Đông, Hà tây

Tài khoản số 710A - 40879 tại Ngân hàng công thương Hà tây

Hình thức thanh toán: Tiền mặt (VNĐ)

Stt	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy nén khí M3 - LX	Cái	01	5.500.000	5.500.000
2	Máy ủi T150LX	Cái	01	20.500.000	20.500.000
Cộng tiền hàng					26.000000
Tiền thuế GTGT 10%				Tiền thuế GTGT	2.600.000
Tổng cộng tiền thanh toán					28.600.000
Số tiền bằng chữ: Hai mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn					

Người mua hàng

Kế toán  
trưởngThủ trưởng đơn  
vị**Công ty  
TNHH Phúc Anh****Thái Minh****Mai Văn Hoạt**

Tổng công ty xây dựng đường thuỷ  
Công ty công trình đường thuỷ

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam  
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

SỐ: 01221/TLHĐ

Hà Nội ngày 25 tháng 10 năm

**Biên bản thanh lý hợp đồng**

- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 00877/HĐKT ký ngày 22 tháng 10 năm 2004 giữa công ty công trình đường thuỷ và công ty TNHH Phúc Anh về việc bán thiết bị
- Căn cứ vào các biên bản giao nhận thiết bị giữa hai bên (chi tiết kèm theo).

Hôm nay, ngày 25 tháng 10 năm 2004

**Bên mua: Công ty TNHH Phúc Anh**

Địa chỉ : TX Hà Đông, Hà tây

Tài khoản số 710A - 40879 tại Ngân hàng công thương Hà tây

**Bên bán: Công ty Công Trình Đường Thuỷ**

Đại diện : Ông **Mai Văn Hoat** chức vụ Giám đốc

Địa chỉ: 159 Thái Hà - Đống Đa - Hà Nội.

Số tài khoản 710A 00183. Ngân hàng công thương Đống Đa.

Mã số thuế 0100109593 - 1

Cùng nhau thanh lý hợp đồng kinh tế số 00877/HĐKT ký ngày 22 tháng 10 năm 2004 với nội dung như sau:

1. Bên bán đã giao, bên mua đã nhận 02 thiết bị đã được thanh lý theo danh mục dưới đây (có biên bản kèm theo) gồm:

+ Máy nén khí M3 - LX

+ Máy ủi T150LX

2. Bên mua đã thanh toán một lần cho bên bán số tiền mua thiết bị theo giá trị hợp đồng thoả thuận giữa hai bên là: 28.600.000 (hai mươi tám triệu, sáu trăm

---

---

ngàn đồng chẵn). Bên bán đã xuất hoá đơn số: 01203 cho bên mua ngày 25 tháng 10 năm 2004

3. Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng kinh tế số 00877/HĐKT ký ngày 22 tháng 10 năm 2004, kể từ ngày hôm nay, đến thời điểm này hai bên không còn trách nhiệm với nhau trước pháp luật về việc thực hiện các điều khoản như đã quy định tại hợp đồng kinh tế số 00867/HĐKT ký ngày 22 tháng 10 năm 2004

Biên bản thanh lý hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 03 bản

**Đại diện bên bán**

*Mai Văn Hoạt*

**Đại diện bên mua**

*Công ty TNHH Phúc  
Anh*

Kế toán tiến hành lập thẻ tài sản cố định:

**Thẻ TSCĐ**

*Ngày 25 tháng 10 năm 2004*

Kế toán trưởng: *Thái Minh Hải*

Căn cứ vào biên bản bàn giao TSCĐ ngày 25 tháng 10 năm 2004

Tên, ký hiệu TSCĐ: Máy nén khí M3 - LX (sử dụng 1998), Máy ủi T150LX(sử dụng năm 1996)

Bộ phận sử dụng: Xí nghiệp 4.

Công suất thiết kế:

Đình chỉ TSCĐ ngày 15 tháng 09 năm 2004

Lý do đình chỉ: bị hư hỏng

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn		
	Ngày tháng	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
		Máy nén khí M3 - LX	28.600.000	1998	1.787.500	1.787.500
				1999	3.575.000	5.362.500
				2000	3.575.000	8.937.500
				2001	3.575.000	12.512.500
				2002	3.575.000	16.087.500
				2003	3.575.000	19.662.500



---

---

				2004	3.575.000	23.237.500
--	--	--	--	------	-----------	------------

<http://sinhviennganhang.com>

A	B	C	1	2	3	4
		Máy ủi T150LX	145.100.000	1996	7.255.000	7.255.000
				1997	14.510.000	21.765.000
				1998	14.510.000	36.275.000
				1999	14.510.000	50.785.000
				2000	14.510.000	65.295.000
				2001	14.510.000	79.805.000
				2002	14.510.000	94.315.000
				2003	14.510.000	108.825.000
				2004	14.510.000	123.335.000

Ghi giảm TSCĐ: biên bản thanh lý TSCĐ ngày 25 tháng 10 năm 2004.

Lý do giảm: Bán thanh lý.

Quá trình thanh lý xong các chứng từ được tập hợp lại là căn cứ để kế toán ghi sổ.

Phiếu chi 25/10/2004.

Nợ TK 811: 3.000.000

Nợ TK 1333: 300.000

Có TK 1111: 3.300.000

Từ biên bản thanh lý TSCĐ ngày 25 tháng 10 năm 2004, ghi giảm TSCĐ

Nợ TK 2141: 145.976.667

Nợ TK 811: 27.723.333

Có TK 2113 : 173.700.000

Phiếu thu số 234 về bán thanh lý TSCĐ ngày 25/10/2004, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 1111: 28.600.000  
 Có TK 711: 26.000.000  
 Có TK 3331: 2.600.000

Tổng công ty xây dựng đường thủy  
 Công ty công trình đường thủy

**Chứng từ ghi sổ**

Số: 0125

**Ngày 31 tháng 12 năm 2004**

Diễn giải	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thanh lý Máy nén khí M3 - LX	2141	2113	23.237.500	Thanh lý
	811	2113	5.958.333	
Thanh lý Máy ủi T150LX	2141	2113	123.335.000	Thanh lý
	811	2113	27.723.333	
Cộng			173.700.000	

Kèm theo 15 chứng từ gốc

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

## Số tổng hợp TSCĐ tăng, giảm trong quý IV năm 2004

Tên, nhãn hiệu TSCĐ	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Lý do
Quả búa Q 4.5 <sup>tấn</sup>	01	2004	391.250.000	3.260.417	387.989.583	Mua sắm
Máy in Canon LBP 1120	01	2004	19.500.000	2.437.500	17.062.500	Mua sắm
Máy nén khí M3 - LX	01	1998	28.600.000	23.237.500	5.958.333	Thanh lý
Máy ủi T150LX	01	1996	145.100.000	123.335.000	27.723.333	Thanh lý
Tổng			584.450.000	152.270.417	432.179.583	

---

---

### **3. Kế toán sửa chữa TSCĐ**

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, TSCĐ chiếm tỉ trọng và có giá trị lớn (chủ yếu là các thiết bị thi công). Hoạt động thi công lại diễn ra ngoài trời. Vì vậy, các thiết bị này hư hỏng chủ yếu do các nguyên nhân khách quan như: mưa, bão, môi trường tác động. Công ty luôn có kế hoạch để sửa chữa các loại thiết bị hư hỏng.

Việc sửa chữa này có thể do công ty tự làm hoặc thuê ngoài. Đối với nghiệp vụ sửa chữa nhỏ, diễn ra trong thời gian ngắn thì chi phí sửa chữa được hạch toán một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Còn đối với nghiệp vụ sửa chữa lớn, diễn ra trong thời gian dài thì toàn bộ chi phí sửa chữa sẽ được phân bổ trong kỳ.

Nghiệp vụ sửa chữa TSCĐ được thực hiện qua các chứng từ sau:

- Đơn đề nghị sửa chữa TSCĐ.
- Dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ (chi phí sửa chữa lớn).
- Hợp đồng sửa chữa TSCĐ( trường hợp thuê ngoài).
- Biên bản nghiệm thu TSCĐ sửa chữa bàn giao.
- Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Bảng tổng hợp chi phí.

Ví dụ:

Trong quý IV/2004 xí nghiệp 4 tiến hành sửa chữa máy đào KOBELCO SK 200 - 5, việc sửa chữa này diễn ra ngay tại xí nghiệp 4. quá trình sửa chữa:

Trong quá trình thi công XN 4 đã phát hiện Máy đào KOBELCO SK 200 - 5 bị hỏng, lái xe viết đơn đề nghị trình lên Giám đốc xí nghiệp, khi đã được Giám đốc xí nghiệp phê duyệt. Đơn đề nghị này cùng với biên

---

---

bản xác nhận tình trạng kỹ thuật của thiết bị gửi lên Giám đốc Công ty và phòng thiết bị vật tư xin cấp kinh phí để sửa chữa.

Tổng công ty xây dựng đường thủy  
Công ty công trình đường thủy  
xí nghiệp 4

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam  
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**đơn đề nghị bảo dưỡng, sửa chữa**

Kính gửi : - **Giám đốc Công ty Công Trình Đường Thủy**

- **Phòng thiết bị vật tư**

Tên phương tiện : Máy đào KOBELCO

Kiểu loại : SK 200 - 5

Người đề nghị: *Nguyễn Trung Kiên*

Nội dung sửa chữa:

1. Hàn cần đào
2. Răng cầu
3. Sửa chữa đề.

**Lái xe**

*Nguyễn Trung Kiên*

**Giám đốc xí nghiệp**

*Trần Văn Công*

Tổng công ty xây dựng đường thủy  
Công ty công trình đường thủy  
xí nghiệp 4

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam  
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**Biên bản xác nhận tình trạng hư hỏng của thiết bị**

Hôm nay, ngày 12 tháng 11 năm 2004

Chúng tôi gồm có:

1. Ông **Trần Văn Công** giám đốc XN 4
2. Ông **Trần Hùng** thợ sửa chữa
3. Ông **Nguyễn Trung Kiên** lái xe

Cùng nhau tiến hành kiểm tra, xác nhận tình trạng của thiết bị:

Máy đào KOBELCO SK 200 -5

**I. Tình trạng hư hỏng.**

- Cần rạn nứt.
- Đè hư.
- Răng gầu mòn

**II. Kết luận**

Bị hỏng trong quá trình thi công

**Lái xe**

**Thợ sửa chữa**

**Giám đốc**

= **Nguyễn Trung**

**Trần Hùng**

= **Trần Văn Công**

Sinh viên Trường Đại học Sư phạm  
Lớp Kế toán 43B

---

---

Công ty sẽ cử người xuống để giám sát, sau khi sửa chữa xong tiến hành nghiệm thu và kế toán XN 4 tiến tổng hợp chi phí sửa chữa

Tổng công ty xây dựng đường thủy  
Công ty công trình đường thủy  
xí nghiệp 4

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**Biên bản nghiệm thu kỹ thuật**

Tại Xí nghiệp 4

Hôm nay, ngày 16 tháng 11 năm 2004

Chúng tôi gồm có:

1. Ông **Trần Duy Tĩnh** T. P thiết bị vật tư
2. Ông **Trần Hùng** thợ sửa chữa
3. Ông **Nguyễn Trung Kiên** lái xe

Sau khi tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng chúng tôi cùng tiến hành nghiệm thu tình trạng kỹ thuật của: Máy đào KOBELCO SK 200 - 5

với nội dung như sau:

**I. Nội dung sửa chữa:**

- Hàn cần đào
- Thay mới răng gầu
- Thay đề, trục ôn bi đề

**II. Kết luận.**

Sau khi sửa chữa máy hoạt động tốt

Lái xe

Thợ sửa chữa

Công ty  
P.P. thiết bị  
vật tư

**Nguyễn Trung**

**Trần**

- > -



**Bảng tổng hợp chi phí bảo dưỡng, sửa chữa**  
 Tại: XN 4

Stt	Tên thiết bị	Tên vật tư	Sl	đơn giá	Thành tiền
1	Máy đào KOBELO SK 200 - 5	- Răng gầu	5	152.000	760.000
		- Đè	1	250.000	250.000
		- Cần đào	1	320.000	320.000
	Tổng				1.330.000

**Phụ trách bộ phận**

**Người lập**

Sau đó các chứng từ này được tập lại tại phòng kế toán, kế toán TSCĐ sẽ ghi vào máy bằng bút toán.

Nợ TK 627 : 1.330.000

Có TK 152 : 1.330.000

Tổng công ty xây dựng đường thủy  
 Công ty công trình đường thủy

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số : 0127

*Ngày 31 tháng 12 năm 2004*

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Sửa chữa máy đào KOBELO SK 200 - 5	627	152	1.300.000	Sửa chữa

**Kế toán trưởng**

Sinh viên: **đỗ văn toàn**  
 Lớp Kế toán 43B

#### 4. Kế toán khấu hao TSCĐ.

Công ty công trình đường thủy thực hiện khấu hao tài sản cố định theo quy định số 166/1999/QĐ - BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 1999 của Bộ Tài chính. Trên cơ sở của quyết định này Công ty sẽ chủ động xác định khung thời gian sử dụng TSCĐ. Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng để tính khấu hao TSCĐ.

Căn cứ vào nguyên giá TSCĐ và thời gian sử dụng của TSCĐ để xác định mức khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ.

$$\text{Mức khấu hao trung bình hàng năm} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

Theo quyết định này thì mức tính khấu hao tháng được các định tròn tháng: tài sản tăng tháng này thì tháng sau mới trích khấu hao, tài sản cố định giảm trong tháng này thì tháng sau mới thôi tính khấu hao.

$$\text{Số khấu hao phải trích} = \text{Số khấu hao đã trích quý trước} + \text{Số khấu hao trích trong quý} - \text{Số khấu hao giảm trong quý}$$

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \text{Mức khấu hao tháng} \times 3$$

Công ty thực hiện tính và phân bổ khấu hao theo từng quý. Kế toán căn cứ vào tình hình biến động tăng, giảm TSCĐ trong quý và khung thời gian sử dụng để xác định mức khấu hao quý và lập bảng tổng hợp khấu hao tài sản cố định riêng cho từng xí nghiệp. Căn cứ vào các bảng này kế toán TSCĐ tiến hành lập bảng tính và phân bổ khấu hao cho toàn công ty.

<http://sinhviennghang.com>

**Bảng tính và phân bổ khấu hao quý IV năm 2004**

STT	Chỉ chiêu	Thời gian SD	nơi sử dụng		Phải thu nội bộ (TK136)			TK 642
			Toàn DN		XN 4		XN 18	
1	2	3	Nguyên giá	Số khấu hao	6	7	8	9
1	I. Số khấu hao trích quý 3			2.356.782.235	70.991.475	...	344.924.252	29.291.638
	II. Số khấu hao tăng trong quý 4			56.214.737	15.317.025		17.949.406	23.129.305
2	1. Nhà làm việc	25	1.747.518.007	17.475.180				17.475.180
	2. Máy photo	9	135.000.000	3.750.000				3.750.000
	3. Máy in	8	18.560.000	580.000				580.000
	4. Máy vi tính		42.500.000	1.328.125				1.328.125
	5. Cầ n cầ u	10	475.142.850	11.428.572			11.428.572	
	6. Máy ủ i	8	209.523.809	6.547.619.	6.547.619			

Sinh viên: **đỗ văn toàn**

Lớp Kế toán 43B

	7. Máy bơm bê tông	8	280.621.000	8.769.406	8.769.406		
	8. Quả búa		391.250.000	6.520.834		6.520.834	
	....						
	.....						
3	III. Số khấu hao giảm trong quý 4				1.507.084		
	1. Máy nén khí M3- LX	8	28.600.000	297.917	297.917		
	2. Máy ủi T150 - LX		145.100.000	1.209.167	1.209.167		
	...						
4.	IV. Số khấu hao phải trích quý 4			2.411.489.886	84.801.416	362.873.658	52.420.943

<http://sinhviennghanhang.com>

Căn cứ vào bảng này kế toán tiến hành định khoản và ghi sổ  
Khi tính khấu hao tại công ty ghi bút toán:

Nợ TK 642 : 52.420.943

Có TK 214: 52.420.943

Tại các xí nghiệp:

Nợ TK 1361 - XN 4 : 84.801.416

Nợ TK 1361 - XN 18: 362.873.658

...

Có TK 214: : 2.359.068.943

Đồng thời ghi bút toán Nợ TK 009 : 2.411.489.886

Tổng công ty xây dựng đường thủy  
Công ty công trình đường thủy  
xí nghiệp 4

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số : 0321

Ngày 31 tháng 12 năm 2004

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Trích khấu hao tại VPCT	642	214	52.420.943	
Trích khấu hao tại các đơn vị	1361	214	2.359.068.943	

**Kế toán  
trưởng**

Tổng công ty xây dựng đường thủy  
 Công ty công trình đường thủy

**Sổ cái**  
**Tài khoản 214- TSCĐ công ty**  
**Quý 4/2004**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		52.356.782.235	
25/10	0125	Thanh lý máy nén khí M3 - LX	2113	23.237.500	
25/10	0125	Thanh lý máy ủi T150 - LX	2113	123.335.000	
..	..	..			
31/12	0321	Trích khấu hao TSCĐ quý IV/ 2004 VPCT Các xí nghiệp	642 1361		52.420.943 2.359.068.943
		Tổng phát sinh nợ Tổng phát sinh có Số dư cuối kỳ		146.572.500  54.621.699.621	  2.411.489.886

**Ngày 31 tháng 12 năm  
2004**

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Thủ trưởng đơn  
vị**



---

---

**Phần 3: Một số nhận xét, đánh giá và giải pháp hoàn thiện hạch toán TSCĐ tại công ty công trình đường thủy.****1. Một số nhận xét về hạch toán TSCĐ tại công ty công trình đường thủy.****1.1. Về bộ máy quản lý**

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty: Công ty có một bộ máy quản lý chặt chẽ từ cấp cao đến các đơn vị nhỏ nhất, đảm bảo được chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận, mỗi đơn vị. Bộ máy quản lý chặt chẽ nhưng vẫn gọn nhẹ, phân cấp rõ ràng. Điểm nổi bật trong bộ máy quản lý của Công ty là giữa các phòng ban, giữa các đơn vị, các cấp có sự phối hợp nhịp nhàng, tạo hiệu quả cao trong công việc. Các phòng ban, đơn vị của Công ty được trang bị đầy đủ các thiết bị, máy móc và các phương tiện vật chất hỗ trợ khác nên năng suất lao động của nhân viên trong Công ty luôn rất cao. Việc phân công, phân nhiệm, điều lệ chặt chẽ đã khiến cho công nhân viên trong Công ty làm việc nghiêm túc với ý thức chấp hành tốt các quy định của Nhà nước cũng như của Công ty. Đồng thời, bộ máy kiểm soát hoạt động của Công ty cũng làm việc có hiệu quả, phát hiện được những sai sót của Công ty để báo cáo lên cấp trên, và có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

**1.2. Bộ máy kế toán****1.2.1. Về tổ chức bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức một cách chặt chẽ và hợp lý. được thể hiện:

Thứ nhất, điều đó thể hiện ở sự phân công lao động kế toán một cách khoa học của lãnh đạo Công ty. Nhân viên kế toán trong Công ty đều được sắp xếp công việc phù hợp với khả năng, trình độ, có đầy đủ các phương tiện làm việc. Đồng thời, Công ty cũng đã xây dựng được một qui trình lao động, trong đó các công việc nối tiếp nhau một cách hợp lý. Do đó, thời gian chờ đợi, những thao tác thừa được giảm thiểu tối đa, tối ưu cường độ lao động, tối ưu hiệu suất trang

---

---

thiết bị, tính toán. Hơn nữa, nhân viên làm việc trong không khí nghiêm túc nhưng vẫn hăng say với tinh thần trách nhiệm cao, có sự phối hợp nhịp nhàng nên đạt được hiệu quả cao trong công việc.

Thứ hai, bộ máy kế toán được tổ chức theo kiểu trực tuyến và xây dựng mô hình kế toán phân tán. Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình này đã đáp ứng được yêu cầu hạch toán của Công ty. Nó cũng phù hợp với hình thức hoạt động của Công ty là có rất nhiều các xí nghiệp công trường trực thuộc, tạo sự chuyên môn hoá cao trong công việc và kiểm soát được chặt chẽ.

Thứ ba, Công ty đã trang bị cho phòng kế toán một hệ thống máy tính hiện đại đi kèm các chương trình xử lý thông tin trên máy tính. Các phần hành kế toán nhờ có sự hỗ trợ của hệ thống kế toán máy được thực hiện một cách khoa học, chính xác, theo đúng qui định của pháp luật, chế độ tài chính, kế toán hiện hành. Hệ thống kế toán máy đã giúp cho các phần hành kế toán được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, hữu ích cho công tác quản trị nội bộ. Nhờ có sự hỗ trợ của hệ thống kế toán máy nên việc kết hợp giữa hạch toán tổng hợp và chi tiết theo hình thức chứng từ ghi sổ được phát huy cao độ. Sự chính xác của hệ thống kế toán máy làm cho nhân viên không mất thì giờ đối chiếu giữa hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết mà hệ thống sổ sách vẫn được kiểm soát chặt chẽ. Hơn nữa khi kế toán lấy hạch toán chi tiết để hạch toán tổng hợp đã giảm nhiều công sức hạch toán nhờ sự hỗ trợ hệ thống kế toán máy, giúp ích rất nhiều trong việc cung cấp các bảng biểu phục vụ quản trị nội bộ.

Thứ tư, công tác tổ chức kiểm tra kế toán, kiểm tra quá trình hạch toán, kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh ... được tiến hành ngay tại phòng kế toán của Công ty. Các nhân viên kế toán thường có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong việc ghi chép, ghi sổ, chuyển sổ ... Trong quá trình đó, các nhân viên đã tiến hành kiểm tra, đối chiếu, so sánh đầy đủ, chính xác hơn, phát hiện kịp thời các sai sót về số liệu, về quá trình hạch toán kế toán. Ngoài ra, Công ty còn có bộ phận kiểm toán nội bộ, đảm bảo quá trình hạch toán kế toán được kiểm soát chặt chẽ.

---

---

### **1.2.2. Công tác hạch toán kế toán**

#### ***a. Thành tựu đạt được nói chung***

Qua số liệu, tài liệu kế toán và đặc biệt là các báo cáo kế toán tài chính (như bảng tổng kết tài sản, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh). Công tác tổ chức kế toán là tốt. đã giúp cho ban quản lý nắm được số vốn hiện có cả về mặt giá trị và hiện vật, nguồn hình thành và các biến động tăng, giảm vốn trong kỳ, mức độ bảo đảm vốn lưu động, tình hình và khả năng thanh toán,... Nhờ đó công ty đề ra các giải pháp đúng đắn xử lý kịp thời các vấn đề tài chính nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất được tiến hành thuận lợi theo các chương trình kế hoạch đề ra như: huy động vốn bổ xung, xử lý vốn thừa, thu hồi các khoản nợ, thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả,... Điều đó được thể hiện cụ thể ở những mặt sau :

***Về hệ thống chứng từ kế toán :*** Chứng từ vừa là cơ sở hạch toán vừa là cơ sở pháp lý cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chứng từ của Công ty được xây dựng trên cơ sở biểu mẫu ban hành. Đối với các chứng từ đặc thù của Công ty có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Mỗi chứng từ của Công ty đều được lập, kiểm tra chặt chẽ bằng các phương tiện kỹ thuật hiện đại, đảm bảo giá trị lưu trữ, đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp, hợp lý của chứng từ.

Sau khi luân chuyển, chứng từ được lưu trữ ở hồ sơ từng đơn vị riêng biệt tạo thuận lợi cho công việc kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Việc lập, luân chuyển và lưu trữ chứng từ được thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

***Về hệ thống tài khoản kế toán :*** Tổ chức tài khoản kế toán là việc thiết lập chế độ kế toán cho các đối tượng hạch toán nhằm cung cấp các thông tin tổng quát về từng loại tài sản, nguồn vốn, quá trình kinh doanh. Hệ thống tài khoản kế toán của Công ty là một hệ thống đầy đủ và chặt chẽ, phù hợp với quản lý, đảm bảo ghi chép được toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Những tài khoản kế

---

---

toán của Công ty đã tuân theo những qui định thống nhất chế độ chung và chế độ riêng của ngành. Đặc biệt, Công ty đã vận dụng một cách sáng tạo hệ thống tài khoản, hạn chế các tài khoản hỗn hợp, tài khoản chi tiết. Điều này rất quan trọng vì đã làm cho hệ thống kế toán của Công ty đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu, kiểm tra, tiết kiệm chi phí lao động sống và lao động vật hoá mà vẫn đảm bảo được khả năng xử lý thông tin.

**Về hệ thống sổ sách kế toán :** Công ty đã sử dụng hệ thống sổ sách đầy đủ theo hình thức chứng từ ghi sổ đúng với yêu cầu, qui định chung của Bộ Tài chính. Đây là một hình thức kế toán phù hợp với qui mô kinh doanh, khối lượng công việc hạch toán kế toán của Công ty. Một trong những ưu điểm của loại sổ này là đơn giản, dễ vận dụng máy vi tính vào công tác kế toán. Hệ thống sổ đáp ứng được yêu cầu về tính thống nhất giữa hệ thống tài khoản với việc xây dựng hệ thống sổ kế toán. Công ty đã tổ chức hệ thống sổ kế toán khoa học, đảm bảo thực hiện dễ dàng chức năng ghi chép, hệ thống hoá số liệu, giúp kế toán và quản lý trong việc giám sát các đối tượng kế toán thông qua quá trình ghi sổ. Đồng thời, việc vận dụng máy tính vào công tác kế toán không chỉ giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí lao động trong công tác mở sổ, ghi sổ, mà còn khoa học và tiện lợi cho việc kiểm tra.

**Về hệ thống báo cáo kế toán :** Nhìn chung, Công ty đã tuân thủ một cách chặt chẽ các qui định của chế độ kế toán về cách thức lập Báo cáo tài chính, đặc biệt đối với các báo cáo bắt buộc như : Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này được Công ty lập và gửi đúng thời hạn cho các cơ quan quản lý Nhà nước và cho Tổng công ty theo đúng qui định. Ngoài ra, Công ty cũng có những báo cáo để phục vụ cho công tác quản lý rất hữu hiệu như Báo cáo lưu chuyển tiền tệ ... Báo cáo giá thành sản phẩm, dịch vụ, Báo cáo chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp, Báo cáo chi tiết công nợ, Báo cáo chi tiết nhân sự ... Các báo cáo này có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu, giúp kế toán có thể đảm bảo tính kịp thời trong việc cung cấp thông tin cho quản lý cũng như cho các đối tượng sử dụng thông

---

---

tin khác. Các khoản mục trên các báo cáo này cũng đơn giản, dễ đọc, dễ hiểu, dễ phân tích làm cho các báo cáo này có thể cung cấp thông tin cho các đối tượng cả trong và ngoài Công ty. Công ty cũng đã luôn tìm cách hoàn thiện hơn hệ thống báo cáo kế toán của mình, nâng cao chất lượng báo cáo phục vụ công tác quản lý.

***Về qui trình hạch toán kế toán*** : Cán bộ trong phòng kế toán đã tổ chức vận dụng đúng đắn, nghiêm chỉnh các chính sách, thể lệ, chế độ về kế toán trong công tác hạch toán kế toán. Do vậy, công tác kế toán của Công ty đạt hiệu quả cao. Các thông tin về chi phí, doanh thu, tình hình lãi lỗ trong trong hoạt động của công ty nhờ đó được cung cấp kịp thời, nhanh chóng, tạo điều kiện cho ban lãnh đạo Công ty đề ra các phương án hoạt động kinh doanh kịp thời, giúp cho hoạt động quản lý kinh tế đạt hiệu quả cao.

***b. Những thành tựu đạt được về công tác hạch toán TSCĐ tại Công ty Công Trình Đường Thủy.***

**+ Hạch toán chi tiết TSCĐ**

Việc hạch toán chi tiết tăng, giảm và trích khấu hao TSCĐ tại Công ty được thực hiện trên hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết tương đối đầy đủ và đúng trình tự. Tất cả cá nghiệp vụ phát sinh được phản ánh kịp thời trên cơ sở các chứng từ gốc hợp lệ hợp lý và hợp pháp. Công ty thực hiện lập hệ thống sổ chi tiết TSCĐ theo hình thức tờ rời từ việc hết xuất thông tin từ trên máy (phần mềm kế toán). Công ty công trình đường thủy có nhiều loại chứng từ phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý.

**+ Phân loại và kiểm kê**

Kế toán đã phân loại TSCĐ hiện có tại công ty theo đúng quy định của Nhà nước, theo nguồn hình thành, theo đặc trưng kỹ thuật, được đánh giá theo nguyên giá và giá trị còn lại. Bên cạnh đó TSCĐ được công ty kiểm kê, đánh giá lại theo đúng thời gian quy định (tùy theo từng loại tài

---

---

sản). Việc này đã giúp cho công ty trong việc quản lý, kiểm soát được tình hình giá trị và hiện trạng của TSCĐ từ đó đưa ra biện pháp quản lý tốt hơn.

### **c. Những tồn tại**

#### **+ Hạch toán chi tiết**

sổ chi tiết TSCĐ lập chưa đúng mẫu quy định của bộ tài chính mẫu sổ công ty tự lập chỉ theo dõi TSCĐ theo danh mục, không bao quát hết được các thông tin cần thiết về TSCĐ gây khó khăn cho việc quản lý. Công ty chỉ sổ theo dõi TSCĐ cho từng xí nghiệp chứ không theo dõi chi tiết tình hình sử dụng về số lượng và nguyên giá đối với từng xí nghiệp, chưa ràng buộc trách nhiệm vật chất của người sử dụng TSCĐ trong trường hợp gây ra mất mát hư hỏng TSCĐ

#### **+ Hạch toán tổng hợp**

TSCĐ được hạch toán căn cứ vào chứng từ phát sinh phù hợp, tuy nhiên việc tổ chức hạch toán trên máy còn nhiều hạn chế, vẫn còn mang tính thủ công. Trong quá trình ghi sổ, không lập sổ đăng ký ghi sổ

Hiện nay, Công ty áp dụng một phương pháp tính khấu hao TSCĐ cho tất cả các TSCĐ, theo phương pháp này thì số khấu hao hàng năm không thay đổi tuy nhiên nó lại có nhược điểm là việc thu hồi vốn chậm, gây khó khăn cho việc đổi mới, đầu tư không kịp thời làm cho TSCĐ lạc hậu, không đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh.

Công ty chưa trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ khi phát sinh sửa chữa bất thường. Đây là một việc cần làm vì TSCĐ trong công ty là rất lớn

## ***2. Phương pháp hoàn thiện***

---

---

**Về tổ chức bộ máy hạch toán kế toán của Công ty :** Thứ nhất, việc tổ chức bộ máy kế toán của Công ty theo mô hình phân tán, mô hình này là phù hợp với Công ty. Tuy nhiên, nhằm giảm khối lượng công việc cho phòng kế toán trung tâm, đồng thời hạch toán được đầy đủ, nhanh chóng hơn những nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở đơn vị trực thuộc thì công ty nên lập ra bộ phận kế toán riêng tại xí nghiệp công trường phụ trách luôn phân hành có liên quan phát sinh ngay tại đó.

Thứ hai, mặc dù hệ thống kế toán đã được trang bị bằng hệ thống máy tính khá đầy đủ (mỗi nhân viên một máy), phần mềm kế toán vẫn chưa đáp ứng được các yêu cầu cập nhật, xử lý số liệu và cung cấp thông tin một cách đầy đủ, đặc biệt là việc tổng hợp số liệu để cung cấp thông tin quản lý theo yêu cầu cụ thể của lãnh đạo Công ty. Vì vậy, việc phát triển hơn nữa hệ thống kế toán máy là một phương hướng cần thiết để tạo sự linh hoạt hơn trong công tác kế toán.

Thứ ba, đội ngũ lao động luôn là vấn đề mà Công ty muốn phát triển. Giải pháp cho vấn đề này vẫn là tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên của Công ty; tuyển dụng các cán bộ thông qua hệ thống thi tuyển, có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận đảm đương các nhiệm vụ theo yêu cầu mới của Công ty; sắp xếp, bố trí cán bộ giỏi vào những vị trí chủ chốt, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho cán bộ, công nhân, phát huy khả năng sáng tạo của các cán bộ, công nhân trong toàn Công ty...

**Về hệ thống chứng từ kế toán :** Công ty luôn luôn đổi mới, tìm biện pháp xây dựng qui trình luân chuyển chứng từ một cách khoa học và trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại hơn cho việc lập chứng từ. Phương hướng của Công ty trong thời gian tới sẽ là đơn giản hoá nội dung chứng từ; giảm bớt số lượng chứng từ theo hướng sử dụng chứng từ liên hợp, chứng từ nhiều lần; tăng cường kiểm tra việc tuân thủ chế độ ghi chép ban đầu; làm rõ trách nhiệm của từng cá nhân trong từng khâu luân chuyển.

---

---

**Về hệ thống báo cáo kế toán :** Hệ thống báo cáo kế toán của Công ty không chỉ cho thấy tình hình tài chính của Công ty cho thấy mà còn phương hướng để Công ty phát triển trong tương lai. Để hệ thống báo cáo kế toán có hiệu quả hơn nữa, Công ty có thể tăng cường sự kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị trong cùng một bộ máy kế toán của doanh nghiệp. Theo hình thức này, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức thống nhất, để phân công chuyên môn hoá công việc, tạo điều kiện tiết kiệm thời gian và chi phí mà không ảnh hưởng đến chất lượng thông tin. Theo quan điểm này, để thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán quá trị, doanh nghiệp chỉ cần tiến hành mở các sổ chi tiết, báo cáo phân tích trên cơ sở báo cáo kế toán. Việc kết hợp này có rất nhiều ưu điểm. Trước hết, hệ thống kế toán Việt Nam hiện nay được tổ chức theo mô hình kế toán động nên việc tổ chức thu thập, xử lý và cung cấp thông tin có tính thường xuyên do đó tổ chức kế toán quản trị kết hợp với kế toán tài chính sẽ thuận tiện hơn cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin, tiết kiệm thời gian và chi phí cho việc tổ chức bộ máy kế toán. Thứ hai là trình độ của cán bộ kế toán trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay cũng chưa được đào tạo theo chuyên ngành kế toán quản trị nên khi làm thêm công việc của kế toán quản trị cũng tốt hơn. Thứ ba, việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị cùng dựa trên một thông tin đầu vào sẽ thuận tiện hơn cho việc cơ giới hoá công tác kế toán. Thứ tư, việc kết hợp đó sẽ rất thuận lợi cho việc quản lý, kiểm soát, đối chiếu của ban lãnh đạo Công ty, của Tổng công ty khi cần.

***Về Hạch toán TSCĐ tại Công ty Công Trình Đường Thủy:***

**+ Đối với phân loại TSCĐ**

Để giúp các nhà quản lý quản lý tốt TSCĐ của công ty thì kế toán công ty nên phân loại theo tình trạng sử dụng. Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này sẽ giúp cho công ty nắm bắt được thông tin về TSCĐ và ra các quyết định đầu tư tự hoặc thanh lý để thu hồi vốn. Bao gồm:

- TSCĐ dùng cho sản xuất kinh doanh.



- TSCĐ dùng hcho quản lý.
- TSCĐ dùng cho hoạt động khác.
- TSCĐ chờ xử lý.

**+ Đối với phương pháp tính và phân bổ khấu hao**

là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, TSCĐ chiếm tỷ trọng lớn. Việc chỉ áp dụng một phương pháp tính khấu hao (phương pháp khấu hao bình quân) theo em là chưa phù hợp. Theo em thì phương pháp này chỉ nên áp dụng cho những TSCĐ nào tham gia giám tiếp vào quá trình sản xuất kinh như nhà cửa, vật kiến trúc,... Còn đối với các loại TSCĐ trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh thì công ty nên áp dụng phương pháp khấu hao theo sản phẩm.

**+ Đối với hạch toán chi tiết TSCĐ.**

Sổ chi tiết TSCĐ

Để phục vụ nhu cầu quản lý theo em công ty nên mở sổ chi tiết TSCĐ theo dõi cả về nguyên giá và số lượng cho từng xí nghiệp thành viên.

**sổ theo dõi TSCĐ theo đơn vị sử dụng**

Quý../ năm...

Tên đơn vị.....

Ghi tăng TSCĐ							Ghi giảm TSCĐ					Ghi chú
Chứng từ		Tên TSCĐ	đơn vị tính	Số lượng	đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lý do	Số lượng	Số tiền	
SH	N,T						SH	N,T				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

---

---

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Ngày ... tháng...  
năm**

**Người ghi sổ**

**Kế toán  
trưởng**

Trình tự ghi sổ

Công ty cần lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ theo từng quý, nhằm đảm bảo độ chính xác của các thông tin do kế toán cung cấp.

Bộ (sở).....

**Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ**

**Năm...**

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
1	2	3	1	2	3
.....					
Cộng			Cộng quý Luỹ kế từ đầu quý		

---

---

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Ngày... tháng Thủ trưởng đơn vị
--------------	----------------	------------------------------------

---

---

***Về hạch toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ***

Công ty nên trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ để khi phát sinh các nghiệp vụ sửa chữa TSCĐ công ty đã có sẵn nguồn bù đắp. Việc hạch toán trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được thực hiện như sau:

Căn cứ vào kế hoạch sửa chữa TSCĐ, kế toán trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Nợ TK 627, 642

Có TK 335 “ chi phí phải trả”

Mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ sẽ được hạch toán trên TK 2413. Khi công trình hoàn thành căn cứ vào quyết toán, kế toán phản ánh:

Nợ TK 335

Có TK 2143

Cuối niên độ kế toán phải tiến hành điều chỉnh chi phí trích trước và chi phí thực tế phát sinh

+ nếu chi phí thực tế lớn hơn chi phí trích trước, kế toán ghi:

Nợ TK 627, 642

Có TK 335

+ nếu chi phí thực tế nhỏ hơn chi phí trích trước, kế toán ghi :

Nợ TK 335

Có TK 627, 642

---

---

### **Kết luận**

Trong những năm qua công ty công trình thuỷ lợi đã quan tâm đến việc đầu tư, đổi mới cũng như hoàn thiện công tác hạch toán kế toán TSCĐ. Bên cạnh những thành tựu đạt được, công ty vẫn còn những tồn tại cần khắc phục.

Trong thời gian thực tập tại công ty, em đã có điều kiện tìm hiểu thực tế qua trình hạch toán TSCĐ để có thể so sánh với những kiến thức đã được trang bị ở nhà trường. Học được nhiều từ việc vận dụng linh hoạt chế độ tài chính kế toán vào thực tế.

Với sự nỗ lực của ban thân cùng sự hướng dẫn tận tình của cô Lê Kim Ngọc cùng sự giúp đỡ của các cô chú trong phòng kế toán công ty, em đã hoàn thành báo cáo chuyên đề này. Do trình độ có hạn và thời gian thực tập chưa lâu nên báo cáo không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong sự chỉ bảo của các thầy cô để báo cáo này hoàn thiện hơn.

---

---

**Danh mục tài liệu tham khảo.**

1. Hướng dẫn kế toán doanh nghiệp xây lắp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.- Tiến sỹ *Nguyễn Văn Bảo*. Nxb Tài Chính - Hà Nội 2004.
2. Sơ đồ hướng dẫn kế toán DNNN theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.Tiến sỹ *Lê Thị Hoà*. Nxb Tài Chính - Hà Nội 2004.
3. Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp. Khoa kế toán trường ĐH KTQD- Nxb Giáo Dục- 2001.
4. Hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp.
5. Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
6. Quyết định số 1864/1998/QĐ/BTC của Bộ Tài chính.
7. Dự thảo điều lệ của Công ty năm 2004.
8. Quyết định số 166/1999/QĐ - BTC Ban hành ngày 30/12/1999.
9. quyết định số 206/2003/ QĐ - BTC.
10. Quyết định 149/2001/QĐ - BTC về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam.
11. thông tư 89/2002/TT - BTC ngày 9/1/2002 về việc hướng dẫn kế toán thực hiện 4 chuẩn mực ban hành theo Quyết định 149/2001/ QĐ- BTC của Bộ tài chính.
12. Luật kế toán Việt Nam.

**Nhận xét của đơn vị thực tập.**

<http://sinhviennghanghang.com>

<http://sinhviennghang.com>